

TẠP CHÍ THIẾU NHI

Tuổi Hoa



57

Số 57

NGÀY 15 THÁNG 11
1966

CHỦ NHIỆM
CHÂN-TÍN

THƯ-KÝ TÒA-SOẠN
TRƯỜNG-SƠN

QUẢN-LÝ
TRẦN-VĂN-VŨ

Tạp-chí Thiếu-Nhi TUỔI-HOA xuất-bản ngày 1 và 15 mỗi Tháng. Tòa-soạn : 38, Kỳ-Đồng, Saigon. Dây nói : 20.316. Giá mỗi số 7đ. Miền Trung và Cao Nguyên Trung phần 8đ. Công sở giá gấp đôi. Báo dài hạn : Một năm 24 số 150đ ; Miền Trung và Cao nguyên thêm 35đ. cước phí Máy bay. Thư từ, bài vở gửi Nguyễn-Trường-Sơn. Bưu phiếu, Chi phiếu đề tên ông Trần-văn-Vũ.

Độc trang số này

3 ngày làm ruộng	VI-LÓ	3
Tiếng chuông dưới đáy biển	TRƯỜNG-SƠN	13
Khung trời của Quỳnh	ĐẶNG-TRẦN-GIÁNG-TIÊN	19
Tổ ấm	HÀ THÚC KHÁNH	22
Thác Khone huyền bí	VI-VI	26
Lịch-sử phát minh của loài người	HOÀNG-ĐĂNG-CẤP	32
Gia đình tôi	BÍCH-THẢO	38
Mảnh Vườn của Bé	TRINH-CHÍ	41
Vườn thơ Tuổi Hoa	QUYÊN-DI	42
Tôi học Judo	PHẠM-DUY-THOẠI	43
Trang giải trí	Vi-Vi	46
Dzíc-Dzắc	QUYÊN-DI	51

Vi

Lô

3 ngày làm ruộng

TRỜI hừng đông. Bước xuống nhà dưới, trong ánh sáng mờ mờ Văn thấy cô Ba, chị Hai, và Năm — con trai chú Bảy ở trong đất — đã thức dậy từ hồi nào, lúi húi cạnh bếp : Cô Ba đang xới nồi cơm nếp bốc khói, chị Hai sắp mấy nải chuối già vào thúng, Năm lo trói giò hai con vịt. Thấy Văn xuống, Năm tươi cười hỏi :

— Sao, đi không ?

Văn đáp :

— Đi chứ !

— Nhưng chân của anh đau, làm sao lội ruộng ?

Văn cúi nhìn bàn chân mình. Chiều tối hôm qua trong lúc bước vội, Văn vấp phải cái ngạch cửa buồng mới làm, lưng bàn chân sứt da chảy máu, đau chết thôi ! Sáng nay vết trầy vẫn chưa khô, giẫm bùn lội nước chắc rất lắm. Nhưng nếu Văn không đi theo cô Ba và Năm thì tiếc nhiều. Về vườn mà cứ lẩn quẩn trong nhà, chẳng có

việc chi làm, Văn thấy buồn chán chết đi ! Tánh Văn vẫn thế, thích hoạt động làm việc hơn là ngồi không. Kỳ về quê này vừa gặp lúc cô Ba lo cấy ruộng cô, Văn liền xin góp công, để « nếm mùi » làm ruộng cho biết. Hôm nay nhờ mạ, mai kéo mạ, một cấy, Văn quyết dự đủ ba ngày. Và bây giờ vì vết trầy nhỏ này Văn đành bỏ hẳn ý định ấy sao ? Không đời nào Văn chịu. Đáp lời Năm, Văn nói :

— Thây kệ, tôi lội đại Năm à ! Mà hôm nay mình làm việc chi ?

Năm nói :

— Nếu anh muốn làm thì phụ với tôi lội mạ, sau khi người ta nhổ.

— Lội mạ là làm sao ?

— Là xỏ mấy bó mạ lại thành từng xâu để mai kéo phân phát sẵn khắp ruộng cho một người ta cấy.

— À, phải lội bằng mấy sợi nứa Năm chẻ hôm qua không ?

— Đó đa !

— Làm việc này chắc dễ ?

— Dễ, nhưng cũng mệt nhiều. Tốt hơn anh nên ở nhà chơi cho khỏe.

— Không, tôi đã nhứt định đi kia mà !

Cô Ba bảo Văn :

— Đi thì lại xúc cơm nếp ăn rồi đi con !

Văn cười :

— Dạ, để con đi súc miệng đã, mới ngủ dậy !

Súc miệng rửa mặt xong, Văn trở vào, thấy cô Ba đã dọn mấy đĩa cơm nếp lên bàn, trông dễ thêm lắm. Cô bảo Văn và Năm :

— Thôi lại ăn đi hai đứa !

Lần này không đợi mời thêm, Văn kéo Năm lại ngồi bàn với cô Ba. Chị Hai ở nhà nên chưa dùng vội, Cơm nếp trộn dừa còn nóng hổi, thơm, dẻo, ăn với đường trộn đậu phộng, rất ngon.

Dùng điểm tâm xong, ba người đi ruộng sửa soạn lên đường. Cô Ba bụng nổi cơm nếp cho thợ nhỏ mạ ăn sáng, Năm bụng thúng đựng chuối và hai con vịt dùng làm bữa trưa cho họ, Văn vác bó dây nứa, xách hai cây giằm cùng theo ra xuống buộc ngoài rạch cạnh nhà. Ruộng của cô Ba ở trong ngọn rạch Tre Bông, cách ngoài vườn này khá xa, muốn tới đó đi xuống tiện hơn đi bộ.

Vừa bước ra sân, cô Ba xuýt xoa :

— Ái chà, nước ngập dữ ha !

Năm nói :

— Năm nào đến mùa cấy vẫn vậy.

Ba người lội nước lồm bồm đi. Nước ở dưới sông, dưới rạch lâu ngày muốn viếng thăm mặt đất, tràn lên phủ sân, lé đế nền nhà. Khắp nơi trở nên bằng phẳng với nước và nước. Cây cối như được trồng trong biển. Trước cảnh tượng này, thích nhất có lẽ là mấy con vịt. Chúng rủ nhau bơi đi sục sạo khắp vườn, tìm trùn dế ngộp nước từ dưới hang chui lên. Chúng lặn hụp, quạt cánh kêu càn cạp. Lũ gà thì coi bộ khó chịu lắm. Bị bó chân trong chuồng, trong nhà, chúng đứng xếp cánh co ro nhìn nước ngập.

Lên xuống, trong khi cô Ba lo tát nước trong khoang, Năm vừa mở dây buộc xuống vừa hỏi Văn :

— Anh bơi mũi hay bơi lái ?

Văn đáp :

— Để tôi bơi lái cho.

Năm cười :

— Anh lâu bơi xuống biết kèm lái có được không đó ?

Văn la :

— Sao không được, bồ coi nè !

Dứt lời, Văn xô xuống ra giữa rạch, giơ giằm khuấy nước. Chiếc xuống ngoan ngoan từ từ lướt thẳng tới, Năm ngồi trước mũi, reo :

— Anh Văn tài quá ta !

Văn cười giòn :

— Tài lâu rồi chứ bộ ! Thôi, bơi phụ với người ta đi chứ !

Không cãi, Năm cũng khom người nhúng mái giằm xuống nước, bơi nhanh.

Bơi xuống, bơi mũi dễ hơn bơi lái. Bơi mũi chỉ cốt góp sức đẩy xuống lướt tới thôi. Bơi lái còn phải kèm cho xuống đừng lúi bẩy. Thật thì công việc sau cũng chẳng có gì khó. Ngồi ở đầu sau xuống, Văn đưa mái giằm xuống nước, để bề đẹp nằm ngang, quạt về đằng sau, đoạn lật xuôi bề đẹp, xô nhẹ ra phía ngoài cho xuống khỏi đám mũi sang bên trái. Muốn xuống quay về bên phải, Văn thọc giằm xuống sát mạn xuống nạy mạnh ra. Muốn xuống quay nghịch lại, Văn đưa dầm ra xa, móc nhanh vào. Với bấy nhiêu cử động, Văn điều khiển chiếc xuống một cách dễ dàng, khinh thường sóng nước. Tuy là dân ở thành, nhưng Văn khá rành chuyện chèo chống, vì vẫn thường lấy xuống tập bơi đây đó, mỗi lần về quê.

Xuống ra sông, dựa theo bờ, đi xuống. Đây là sông Tiên Thủy, chỉ là một nhánh nhỏ của sông Hàm Luông chảy qua vùng Sóc Sãi này với dáng vẻ êm đềm dễ mến. Làng mạc hai bên bị che khuất bởi những dãy bần, những rặng dừa xanh um, thỉnh thoảng, với một nhát chèo, Văn hoặc Năm làm giạt mình một con gà nước đứng rình cá trong bãi rậm, bay vụt lên.

Cửa rạch Tre Bông đã hiện, Văn rẽ xuống vào. Rạch này khá rộng,

luôn có nước, có lẽ trước kia hai bên bờ trồng nhiều tre bông — thứ tre kiểng màu vàng có chỉ hoặc đốm xanh — nên được gọi tên thế. Nước lớn, ban này xuống phải đi ngược bờ này giờ trở thành xuôi. Văn và Năm vừa bơi vừa nghỉ, xuống cũng trôi phăng phăng vô ngọn rạch.

Xuống vừa qua một khúc quanh bỗng bên bờ phía trước có tiếng gọi :

— Chú em ơi ! Làm ơn đưa giùm tôi qua bên kia đi !

Một người đàn ông vác cuốc, tươi cười đứng đón dưới gốc dừa lão ngả ngọn ra rạch. Văn vui vẻ ghé xuống vào cho ông ta lên, và đưa sang bờ bên kia. Đi thêm một đôi lại có người xin quá giang xuống. Khách quá giang rồi xuống rồi, cô Ba cười nói :

— Xuống mình đắc khách quá chứ !

Văn cũng cười :

— Dạ nhưng toàn là khách đăng trí.

— Sao mà đăng trí ?

— Lên bờ rồi họ đi luôn, quên trả tiền cho mình !

Tới ruộng, cô Ba bảo Văn và Năm rẽ xuống vào một rạch nhánh, ngừng lại. Đoạn người rình nòi, kẻ bưng thúng vào ngôi nhà lá gần đấy. Đó là nhà anh Hai Tôn, người ở trong đất cô Ba và lãnh cày bừa ruộng cô. Nhà làm ruộng, Văn nhìn qua là biết liền : Sau nhà có chuồng trâu. Cạnh đấy, một cây rơm cao

ngắt. Vào nhà, Văn thấy ngay một bờ lúa to, chói mắt một góc nhà. Dựng bên bờ, đủ các nông cụ. Văn có dịp lại quan sát từng thứ. Đây là cày, gồm một khối gỗ rất nặng, trước mũi có gắn lưỡi sắt hình tam giác' giệp như lưỡi cuốc. Đây là bừa, một khúc gỗ dài, chom chom một hàng răng sắt nhọn, tương tự như cây cào cỏ. nhưng lớn hơn nhiều. Đây là trục, một bánh xe dài bằng cây, có khía răng cưa...

Năm người đàn ông nhỏ mọn đã tụ tập đủ nơi nhà anh Hai Tôn từ sớm. Một ông nói với cô Ba :

— Nước ngập tới ngọn mạ, phải đợi trưa trưa một chút nước ròng bớt mới nhổ được đó cô.

Cô Ba trông ra ruộng :

— Như vậy chắc phải xẽ chiều mới xong việc ! Năm nay sao nước ngập dữ ha ?

Anh Hai Tôn nói :

— Hồi này tôi nghe ra-dô cho hay ở miệt Châu Đốc bị lụt, nước dâng cao tới bốn năm thước. Chắc vì vậy mà vùng mình mới chịu ảnh hưởng chút ít đó.

— Cha, ngập bốn năm thước thì tới nóc nhà rồi còn gì !

— Dạ, thiệt khổ cho dân miệt trên !

Trong khi cô Ba và chị Hai Tôn dọn cơm nếp cho mấy người nhỏ mọn dùng, Văn theo Năm ra trước nhà ngắm ruộng ở xung quanh. Ruộng đầy nước trông rộng thêm ra, vì các bờ đê thấp chìm mất

dưới mặt nước trắng xóa. Nước ngập, chưa thể nhổ mạ hay cấy chi được, nên ruộng thừa người. Đó đây chỉ rải rác vài đôi trâu kéo trục. Tiếng trục khuấy nước rờ rờ, ồn không thua máy nổ. Người điều khiển đứng trên trục, tay cầm con roi tre dài, quất tron trót vào lưng trâu, hét luôn mồm:

— Vĩ vô !...Phá ral Giò, giò nào!..

Nhân thấy đó, Văn hỏi Năm :

— Người ta trục đất để chi Năm?

Không đáp ngay, Năm hỏi lại :

— Anh chưa rành chuyện làm ruộng sao ?

— Chỉ biết lờ mờ.

— Vậy để tôi kể hết mọi việc cho anh biết luôn. Tới mùa lúa, trước hết người ta lo dọn đất ruộng : phát cỏ nè, cày để xới đất lên cho xốp, bừa để làm nhỏ đất cày nè, rồi trục qua một bận nữa cho đất được rải đều, bằng phẳng. Xong, người ta gieo mạ, mạ lớn lên thì cấy. Cấy rồi, đợi lúa trở bông, chín, người ta gặt, đập lấy hạt. Thế là xong một mùa.

— Nói sơ nghe mau và dễ, nhưng làm thì « trần thân » hả Năm ?

— Ừ, lâu lắc cực nhọc lắm anh ơi!

— À, ruộng này có cá lia thia không ?

— Có, nhưng ít. Ruộng miệt Quới Thành kia, mới có cá lia thia lớn và nhiều.

— Nhưng miệt trên bất an ninh, ai mà dám đi hốt ?

— Vậy mà tôi dám đi hót chứ !

— Hồi nào ?

— Mới đây !

Văn mỉm cười nhìn Năm : Mười tám tuổi, « lớn đại » rồi còn đi hót cá lia thia chơi, Năm « trẻ con » không kém Văn chút nào ! Quả thật, tính Văn vốn cũng thế. Thỉnh thoảng có đứa em đứa cháu nào rủ đi câu, bắn bi, Văn vui vẻ nhập cuộc ngay. Còn chuyện đi hót cá lia thia, Văn thích nhất rồi ! Ngay bây giờ, nếu có ai rủ đi hót cá, Văn sẽ giong cả hai tay xin dự.

Thuật chuyện hót cá lia thia, Năm nói :

— Hôm ấy, tôi với ba bốn thằng nữa, lúc chực cũng có, cồ cồ cỡ tôi cũng có, rủ nhau lên Quới Thành hót cá lia thia. Tới nơi, tụi tôi vừa hót cá vừa lăm lét coi chừng, làm như đi hót cá trộm vậy. Ruộng tụi tôi hót cá ở sát lộ. Xa xa phía trong là vườn dừa, thuộc vùng bất an ninh. Tụi tôi dặn nhau, hễ thấy mấy « ông kẹ » vác súng đi ra là chạy cho gấp. Đang lui cui hót, bỗng một thằng la lên :

— Chết ! Tụi bây ơi, « họ » ra kia kia !

Giật mình, mấy đứa này nhìn theo tay nó chỉ, quả thấy một bóng người vác súng từ trong vườn lù lù đi ra. Lập tức, cả bọn hè nhau xách rổ chạy trời chết. Chạy được một đổi, liệu đã khá xa, tụi tôi dừng lại, tò mò ngoái nhìn. Chừng thấy rõ lại, cả bọn bật ngửa, cười lăn. Thì ra, người nọ

chỉ là một người đàn ông thường, vác ách ra ruộng bắt trâu đi cày đó !

Văn hỏi :

— Ách là cái gì ?

— Đó là một khúc cây tròn, cong hình cung, dùng mắc trên vai trâu, có dây cột liền với cán cày cán bừa... cho chúng kéo. Ông nọ vác nó đi ở xa, trông giống hệt cây súng !

— Tức cười quá ha !

— Ờ. Còn anh, có hót cá lia thia lần nào không ?

— Có Sáu bảy năm về trước, quê ngoại tôi, miệt Ba Lai, còn yên, tôi vẫn thường về chơi, và hay xách rổ ra ruộng hót cá lia thia. Cũng như nhà nội tôi ở đây, nhà ngoại tôi ở trong vườn, ruộng ở bìa làng, cách nhà cũng khá xa. Một lần về đấy, tôi xách rổ, ve chai, cỡi xe đạp ra ruộng hót cá lia thia. Vừa ra tới ruộng, trời bỗng đổ mưa lớn, tôi dựng xe bên lề đường, dầm mưa đi dọc theo các bờ đê, hót cá. Ngộ ghê Năm ! Trời đang mưa, cá lia thia rời chỗ ẩn kéo nhau lội cả bầy, tôi chỉ việc đưa rổ xuống vớt. Ve vừa đầy cá, trời cũng vừa dứt hột, tôi lên xe đạp chạy về nhà. Nhưng khổ quá, con đường đất về nhà, sau cơn mưa, trở nên lầy lội hết sức. Sinh cứ quết vào ve xe, kẹt cứng, tôi phải nhảy xuống gạt, gỡ hoài. Riết rồi chiếc xe nhất định không chịu quay bánh, tôi phải hi hục đẩy. Mệt nhọc, bực mình, ve cá lia thia vướng tay, tôi quăng phứt xuống mương. Về tới nhà ngoại, mình mẩy tôi ướt nhẹp, lấm lem, cái rổ rớt đâu mất tự hồi nào !...

Văn và Năm trò chuyện bằng quơ một lúc thì nước ròng. Nước rút rất nhanh, như chạy trốn ánh nắng, bỏ lại những đám mạ xanh mướt, những con đê kẻ ô vuông trên mặt ruộng. Mấy người nhổ mạ cho cô Ba bắt đầu xách ghế nhổ mạ, tiến ra ruộng. Ghế nhổ mạ có mặt đan bằng tre, và một chân dài, nhọn, để cắm xuống đất. Có lần Văn thấy ở Phú Hưng, Châu thành Bến Tre đi xuống, người ta dùng ghế nhổ mạ có bốn chân.

Theo nhóm người nhổ mạ, Văn và Năm kéo bó dây nứa, lội ruộng tiến về phía đám mạ ở gần nhà anh Hai Tôn. Nước gần tới đầu gối, bùn, lát quét vào vết trầy rất rát, Văn phải bước một cách khó khăn, song vẫn mạnh dạn đi tới.

Đến nơi, Năm và Văn leo ngồi trên đê xem người ta nhổ mạ. Năm hỏi một ông :

— Bác lãnh nhổ mấy hồi bác Sáu ?

— Một hồi rưỡi. Mấy người kia mỗi người một hồi.

Văn hỏi :

— Một hồi là bao nhiêu bác ?

— Một hồi có hai trăm bó mạ cháu à.

Trong khi nói chuyện, ông nọ đưa hai tay gom một nắm mạ, nhổ bật lên đem đặt trên ghế tre. Thêm một nắm mạ thứ hai, ông ta rút dây bó thành một bó lớn.

Xem một lúc, Năm đứng lên bảo :

— Để người ta nhổ một lát rồi mình hãy lui. Bây giờ đi bắt cua anh Văn !

Văn bằng lòng ngay. Hai đứa đi dài theo bờ đê. Gặp hang cua, Năm thò tay vào, móc ra bắt. Văn cũng không ngại làm theo. Một lúc sau cả hai đã bắt được một xâu cua đủ cỡ. Trong lúc loay hoay cột một con cua kinh, Văn bị nó kẹp nhầm tay đau điếng, nhưng rồi vẫn tiếp tục bắt nữa. Nghỉ đến bữa « tiệc » của đồng chiều nay Văn thấy vui vui.

Trở lại đám mạ thấy đã có nhiều mạ bó để lui, Văn bỏ xâu cua trên bờ, cùng Năm bắt tay vào việc. Mỗi đứa một sọt nứa, đầu ngọn cột chặt một bó mạ làm gút, đầu gốc lui các bó khác, xỏ thành một xâu dài.

Trong khi làm, Văn không quên coi chừng bên dưới : Đĩa to, đĩa nén lội đầy, cứ tìm chân người mà bám. Nhưng đề phòng mấy, Văn cũng không khỏi bị chúng đeo, ác thay chúng cứ đeo ngay vết trầy hoại. Văn không nhát, cũng phải sợ : Giống gì mà bầy nhầy gớm ghiếc, và khi đã bám vào chân mình thì không dễ gỡ ra.

Mọi người chăm chú làm việc đến mặt trời đứng bóng thì vào nhà dùng cơm. Bữa cơm chẳng có gì, nhưng Văn ăn ngon miệng lạ ! Lần thứ nhứt Văn theo kịp Năm, « bỏ bụng » đến năm chén cơm vun !

Cơm nước xong, nghỉ một chốc, tất cả lại trở ra ruộng tiếp tục công

việc. Trời về trưa, đồng trống, nắng cháy da. Song nhờ đó, đĩa trôn đầu mất cả.

Mọi việc xong xuôi vào lúc xế chiều. Mạ nhỏ được năm hồi rưỡi, đủ để cấy một mẫu ruộng. Mạ còn dư non nửa hồi, có người đến hỏi xin cô Ba, cô cũng cho. Ở đây thường vẫn thế. Nhiều người có chừng một khoảnh ruộng nhỏ, không cần tốn lúa giống gieo mạ, cũng có mạ để cấy. Đến mùa lúa, họ chỉ cần sửa soạn đất, rồi đi xin mạ dư chỗ này một ít chỗ kia một ít, đem về đủ cấy ruộng mình.

Xong việc, Văn vào nhà, ai thấy cũng cười: Mặt mày, tay chân, Văn nắng hong đỏ ửng. Chị Hai Tôn nói:

— Tối nay chú Văn rêm mình hết cho coi!

Văn mỉm cười, chẳng tin. Gần đây vì lo học, Văn rúc mãi trong gác hẹp, nên gầy và mệt đi, trông có vẻ « thư sinh » thế. Nhưng thật ra Văn vốn là một cầu thủ của nhà trường, từng lăn lộn nhiều với quả da ngoài sân cỏ, đâu đến nỗi « bún thiêu ».

Cô Ba, Năm và Văn ra về. Nước ròng sát rạch nhánh. Hai thằng con trai phải đẩy xuống. Bà già lội theo sau. Ra tới rạch Tre Bông, cả ba mới lên xuống bơi đi được.

Tối hôm ấy, trời mưa to. Nằm trong mùng, nghe mưa đổ rào rào trên cây cối, trên mái nhà, Văn sức nhớ lời anh Tôn: Miệt Châu Đốc bị lụt lớn. Và Văn liên nghĩ đến

anh Thuần, một người anh văn nghệ nhập ngũ từ năm ngoài hiện đồn trú tại Châu Đốc. Văn băn khoăn chẳng rõ anh ấy ra sao với trận lụt này?

— Cầu mong anh Thuần được bình yên, gặp nhiều may mắn!

Sau chuyện lụt, có không biết bao nhiêu chuyện khác kéo đến trong óc Văn khiến Văn khó chợp mắt. Văn vốn mang nặng « chứng suy tư ». Nhiều đêm Văn mãi thao thức vì nghĩ ngợi đâu đâu hoài. Văn vẫn thường giận cho cái đầu của mình, sao mà lăm chuyen? Bây giờ thì phải ngủ ngay để mai còn sức đi kéo mạ với Năm chứ!

Quyết xua những ý nghĩ vẩn vơ, Văn nhắm mắt, lắng nghe tiếng mưa rơi rào rạt bên ngoài, rồi cũng ngủ quên đi được.

Sáng ra, Văn và Năm lại bơi xuống đi kéo mạ. Cô Ba nghỉ ở nhà một hôm. Không như hôm rồi, sáng này trời âm u, mưa phai phái, khá lạnh.

Đến ruộng, thấy nước còn ngập, hai đứa đồng ý chống xuống xông vô ruộng luôn. Tới ruộng cô Ba, cả hai xuống xuống, kéo mấy xâu mạ đem phân phát khắp ruộng để mai người ta dễ lấy cấy. Mạ nổi trên mặt nước nên Năm và Văn kéo khá dễ dàng. Hai đứa làm một lúc thì anh Hai Tôn ra phụ.

Ba người đang kéo mạ, bỗng chị Hai Tôn hốt hải chạy ra bờ ruộng gọi chồng:

— Anh Hai ơi, thấy thằng Hoàng đâu không?

Hoàng là con trai út của anh chị, độ năm tuổi, rất ngoan. Anh Hai Tôn đáp :

— Không. Nó ở trong nhà mà !

— Nhưng nó đâu mất, tôi kiếm không được !

— Sao lạ vậy ?

Anh Hai Tôn kêu lên ngạc nhiên, đoạn tắt tả lội ruộng đi vào. Văn và Năm cũng lên xuồng bơi theo. Liền đó, hai đứa phụ với gia đình chủ nhà bỏ tìm thằng bé. Nhưng tất cả lực soát khắp nơi vẫn không thấy nó đâu kêu réo cũng không nghe tiếng nó đáp. Vừa hoảng sợ, vừa bức tức, anh Hai Tôn quát hỏi vợ :

— Tại sao mình không coi chừng nó ?

Mặt tái mét, chị Hai Tôn run run nói :

— Thì tôi thấy nó chơi với thằng Phúc thằng Quân, đâu để ý làm chi ?

Anh Hai Tôn lại quay sang hai đứa con trai lớn :

— Nó chơi với tụi bây, rồi sao nó đi đâu mất bời nào tụi bây không hay ?

Phúc ngập ngừng.

— Dạ... bị hai đứa con lo... đá cá lia thia.

— Lại cá lia thia ! Tối ngày cứ châu đầu với mấy con cá. Tao đổ hết bây giờ !

Im lặng một giây, Quân nói :

— Con nghi thằng Hoàng té mương quá ! Nước ngập linh lảng như vậy, nó đi bậy, có thấy mương rãnh chi đâu mà tránh ?

Lời thằng bé rất có lý. Chị Hai Tôn lo lắng hỏi :

— Bây giờ làm sao ?

Anh Hai Tôn nói :

— Để tôi ra mương sau hè mò kiếm thử coi.

Năm sốt sáng :

— Tôi phụ với anh Hai !

Thế là tất cả kéo ra phía sau nhà. Vừa lội nước lồm bồm đi, Chị Hai Tôn vừa mếu máo :

— Khổ quá ! Chính tội đã biểu nó lấy guốc mang, ở trong nhà chơi, rồi không biết nó bỏ đi đâu mất biệt như vậy ?

Bất được một tia sáng trong câu nói ấy, Văn vội hỏi :

— Chị nói sao ? Em Hoàng có mang guốc ?

— Ừ.

— Vậy thì có thể...

— Sao chú ?

— Thôi, mọi người cứ ra tìm sau mương đi, để tôi với em Phúc trở vô nhà kiếm một bận nữa xem sao !

Nói đoạn, Văn kéo Phúc quay vào nhà, lòng ít nhiều hy vọng : Thằng Hoàng có mang guốc. Vậy nó ở đâu thì đôi guốc ở đó, và ngược lại. Mà lúc này trong khi sục

sạo tìm trong nhà, hình như Văn đã trông thấy một đôi guốc nhỏ xíu vắt ở đâu đó, song chẳng để ý. Bây giờ, Văn thử tìm lại chỗ ấy xem có dấu vết gì không.

Tìm thấy lại đôi guốc nhỏ ở cạnh bồ lúa, Văn hỏi Phúc :

— Đôi guốc này có phải của thằng Hoàng không ?

Phúc gật đầu :

— Dạ phải.

Hơi mừng, Văn quét mắt nhìn xung quanh, đoạn mẹp cả xuống đất xem kỹ lại từng xó kẹt. Nhưng, cũng chẳng có gì hết ! Đang thất vọng, Văn sực để ý đến bồ lúa :

— Này giờ có ai leo lên bồ lúa kiểm thằng nhỏ không Phúc ?

— Dạ không.

— A, biết đâu nó ở trên !

Phúc lắc đầu :

— Bồ lúa cao nhòng, nó leo gì được chú ?

— Nhưng Phúc cứ thử trèo lên kiểm coi ! Thằng nhỏ tuy ít tuổi nhưng coi bộ khỏe lắm mà. Nó muốn leo lên trên đâu có khó.

Vâng theo, Phúc bám mấy vòng tre niềng bồ, trèo lên. Văn đứng dưới, nóng nẩy chờ đợi. Lên tới miệng bồ, Phúc vụt reo to :

— Thằng Hoàng nè chú Văn ơi !

Văn mừng rỡ hỏi :

— Nó làm gì ở trên ?

— Nó nằm ngủ khò !

Ngay sau đó, mấy người ở sau hè được báo tin, kéo vào. Thằng Hoàng

được đỡ xuống. Chị Hai Tôn vả nhẹ vào má nó, mắng yêu :

— Đồ chó ! Làm gì leo trốn ở trên ?

Hoàng phụng phịu :

— con giận anh Phúc anh Quân !

— Sao vậy ?

— Ai biểu hai anh hồng cho con lại gần coi đá cá lia thia !

Mọi người bật cười : Văn quay bảo Năm :

— Thôi, trở ra ruộng kéo nốt mấy xâu mạ còn lại chứ bồ !

Nhưng anh Hai Tôn bảo :

— Hai chú nghỉ đi, còn vài xâu mạ, để lát nữa tôi kéo luôn cho.

Năm mau mắn :

Vậy thì cảm ơn anh Hai lắm !

— Bậy nà ! Tôi cảm ơn hai chú mới phải...

Lên xuống bời về, Năm và Văn nghĩ chuyện thằng bé mất tích mà buồn cười. Văn nói :

— Báo hại Năm với anh Hai Tôn lặn hụp dưới ruộng muốn hột hơi hả ?

Năm cười lớn :

— Nhưng nhờ vậy mới bắt được vật này.

— Vật gì ?

Năm móc túi áo bà ba rộng đưa ra một con tôm càng khá to. Văn reo :

— May dữ ta

Bỗng, Năm trở tay về phía trước !

— A ! Lại có ăn nữa anh Văn ơi :

Một cây dừa trổ gốc ngã mẹp xuống rạch. Có lẽ cây dừa này mới ngã, vì lúc vào, hai đứa chưa thấy. Năm bảo :

— Ghé xuống lại bẻ trái anh Văn !
Văn ngần ngại :

— Để chủ vườn người ta bẻ, Năm?

— Tôi biết chủ vườn này ở xa đây. Mình không bẻ, ghé xuống khác đi qua bắt gặp cũng bẻ hết.

— À, nếu vậy thì xấp vô liền?

Chiều lại, Năm, Văn và cả nhà được ăn một bữa cháo dừa « trộm » no nê. Với tài nấu của cô Ba thì khỏi nói, cháo ngon tuyệt!

Hôm sau là ngày cấy lúa. Văn, Năm lãnh phần phát mạ. Tháo mấy xâu mạ ra, hai đứa xách mạ bó chạy chỗ này chỗ nọ, phân phát tận chỗ cho những người đàn bà cấy.

Cấy lúa cần đông người, nhưng không khó. Người cấy chỉ việc cầm từng khóm mạ xuống ruộng, cách khoảng đều nhau. Chỗ nào đất cứng, người ta dùng cây nọc nhọn bằng gỗ xoi lỗ cấy. Trước khi cấy, người ta cặm cây, phân mẫu ruộng ra làm mười công. Một hoặc hai người đàn bà lãnh cấy một công. Văn nghĩ, có lẽ do việc cấy lúa mà có tiếng « phân công » đấy chăng?

Đám cấy không mấy vui, không mấy nên thơ như Văn đọc thấy trong sách kể, vì nhóm đàn bà cấy này chẳng hát hò chi. Vừa cấy họ vừa bàn chuyện chiến tranh, chợ búa, gia đình... rất nhàm chán. Thời cuộc đã làm tắt lịm câu hò tiếng hát trong lòng họ rồi? Văn nhận ra người nào cũng có vẻ băn khoăn, đủ thứ băn khoăn!...

Cấy xong, miếng ruộng trở nên đẹp mắt, nhờ những khóm mạ cắm thẳng lối ngay hàng, điểm hoa xanh trên đất xám. Từ bây giờ, cây lúa đã được trồng ở yên một chỗ, sẽ lớn mạnh, trổ bông, chín, để rồi trả công cho người làm ruộng bằng những hạt gạo thơm lành.

Văn nghĩ mà phục cho cây lúa: Lúa mầm, người ta vãi bừa trên ruộng, rồi cũng mọc mạ. Mạ lớn, bị nhổ bật cả lên, bó lại, kéo tới, quăng lui, găm sang nơi khác... Bị dấn vật chẳng nương tay như thế, cây lúa vẫn sống. Trong khi đó, trồng một bụi kiếng, người ta phải chăm sóc thế nào?

Mọi việc xong hết, cô Ba, Năm, và Văn rời nhà anh Hai Tôn. Lên xuống, Năm hỏi :

— Anh Văn bơi lái nữa hén?

Văn lắc đầu :

— Không, chuyến này để tôi bơi mũi!

— Sao vậy?

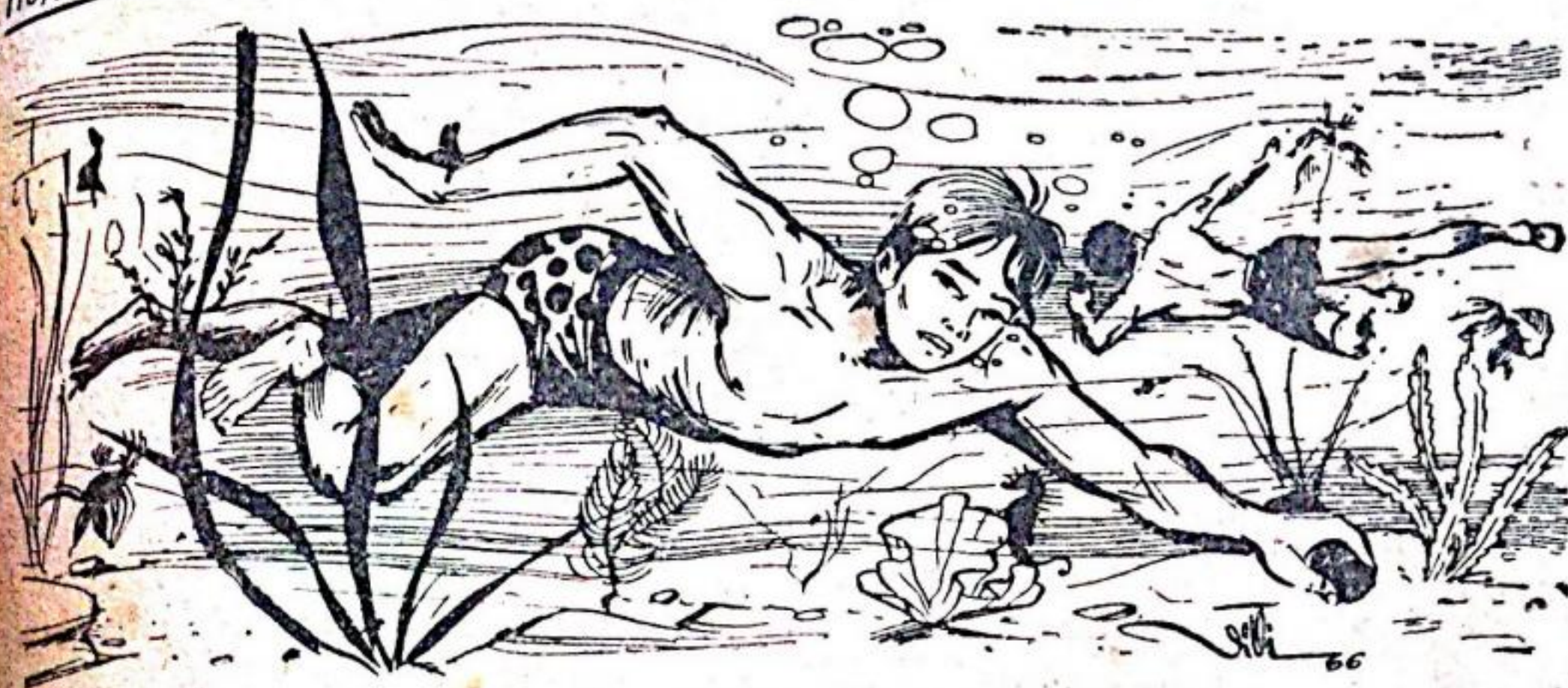
Cô Ba cười :

— Anh Văn mầy mệt lắm rồi!

Quả thật, với ba ngày làm ruộng, Văn thấy thấm mệt. Văn không hối hận đã tự tìm sự cực nhọc này. Trái lại Văn còn hãnh diện, vì đã có dịp dầm mưa dãi nắng với nông dân, đổ mồ hôi trên ruộng lúa. Văn có thể tự hào, mình « sống đủ » hơn lắm bạn ở châu thành vậy.

Khuấy mạnh mái chèo, Văn tươi cười nói :

— Mệt thiệt, nhưng vui nhiều cô Ba ơi! ●



tiếng chuông dưới đáy biển

tiếp theo

CHƯƠNG III

Khôi Việt tụt xuống khỏi miệng vực. Không ai dám nán lại thêm để nghe tiếng chuông kêu, vì anh nào cũng thấy sồn gai ốc. Hai người im lặng trở về chỗ cũ, ngồi xuống cạnh túi hành trang. Việt thầm nghĩ : Không còn hồ nghi gì nữa, rõ ràng là tiếng chuông kêu ! Tiếng chuông nhịp nhàng, âm vang dưới sóng ! Anh thì thào vào tai bạn :

— Đúng là chuyện thần tiên ! Tội mình còn một đèn bấm nữa, cậu lấy nốt ra đi. Tớ ngán ngồi trong cái hang âm u này quá.

Con giông vẫn chưa dứt. Gió mưa quất loạn ngoài cửa hang. Việt không thể nào quên được tiếng chuông vừa nghe ; âm thanh của nó vắng vắng, âm âm từ dưới lòng vực đã ám ảnh vào cân não Việt. Tự nhiên anh đưa mắt nhìn về phía đó, muốn lắng nghe xem tiếng chuông còn kêu nữa hay không. Nhưng ngồi đây Việt chỉ nghe có tiếng gió rít mưa gào.

Khôi lấy cây đèn bấm thứ hai. Ánh điện vừa loé, Khôi đã chiếu tia sáng về phía cửa vực. Việt hỏi :

— Cậu có tin chắc vừa nghe tiếng chuông kêu không ? Tớ thì cả quyết là có. Lạ thật ! Tiếng chuông dưới đáy biển !

Khôi lầm bầm :

— Chú Triều Dương hẳn hết còn ngạo được mình nữa ! Rõ ràng cả hai đứa đều nghe rõ. Chỉ hận là chưa chi đã rơi mất một cái đèn.

Giọng Khôi gần như cầu nhau. Nhưng Việt đã biết tánh của bạn. Đôi bạn từng sát cánh bên nhau trong các cuộc mạo hiểm, từng góp bàn ý kiến, chia sẻ mọi hồi hộp, nhưng chưa bao giờ gặp điều kỳ bí như lần này.

Bên ngoài mưa vẫn rơi tầm tã, Khôi tỏ vẻ bồn chồn. Anh đứng bật lên nói :

— Dù cái chuông có kêu thành tiếng thì nó cũng không làm gì mình được. Chẳng lẽ mình sợ nó cắn cấu hay nuốt trọn mình mà sợ ! Tội mình phải tỏ ra là tay « chò » mới được. Đừng có vác bộ mặt thất sắc, thiếu náo về trình diện chú Triều Dương. Tốt hơn tội mình nên đến bờ vực lắng nghe một lần nữa coi có khám phá thêm điều gì nữa không ? Việt đứng lên theo, cùng Khôi đến bên miệng vực. Nhưng lần này cả hai đều rất thận trọng sợ một sơ sẩy vụng về là dẫm xuống châu Long Vương lắm. Nhưng càng thận trọng, Khôi Việt càng thấy hồi hộp, tim đập trống ở trong ngực. Tiếng tim vang dội đến đổi như lẫn át cả tiếng sóng ầm ầm Cổ trấn tĩnh, lắng tai hồi lâu, Khôi Việt lại chợt nghe tiếng chuông giống lên lần nữa, vẫn nhịp nhàng đều đặn, như tiếng chuông báo hiệu thánh lễ của một ngôi giáo đường-Tiếng chuông nương theo sóng dội, văng lên-lúc to lúc nhỏ-nhưng vẫn giữ nguyên nhịp điệu đều đều.

Khôi lầm bầm :

— Đúng là tiếng chuông, không thể nào nhầm được nữa !

Việt hỏi :

— Nhưng tại sao nó lại kêu ? Và ai đánh cho nó kêu chứ ?

Tiếng chuông giống lên một hồi rồi ngừng bật. Sự im vắng đột ngột đó càng tăng thêm vẻ dị thường, khiến Khôi Việt đâm hoảng sợ. Hai người lại vội rời bờ vực. Khôi hỏi :

— Máy giờ rồi ?

Việt chiếu đèn vào đồng hồ tay :

— Vừa đúng 6 giờ chiều.

— Kề ai đó ở dưới thủy cung cũng đúng giờ đấy nhỉ ?

Việt cười, như đùa họa với câu nói của bạn. Nhưng cả giọng cười của Việt lẫn câu khôi hài của Khôi đều không tự nhiên. Họ cắt tiếng chỉ cốt để trấn áp sự hoang mang bối rối đang đè nặng trong lòng. Liên sau đó, Khôi đặt ngay giả thuyết :

Có lẽ cái chuông đó là của một chiếc tàu buôn bị đắm, rồi trôi kẹt dưới đáy vực. Giả thuyết này bị Việt bác ngay vì dù chuông đó có được những đợt sóng ngầm lay động nên phát tiếng kêu, nhưng phải giải thích làm sao khi nó kêu và ngưng đúng 6 giờ chiều?

Khôi cãi :

— Việc chuông đánh đúng giờ không có nghĩa gì cả. Có thể do ngẫu nhiên, và tại mình có ý nghĩ kỳ quặc coi giờ vào lúc ấy.

— Nếu thế mình thử nghe lại một lần nữa coi.

— Cậu đi mà nghe !

Không ai muốn trở lại bờ vực nữa. Khôi Việt lẳng lặng nhặt « balô » đeo lên vai. Khỏi cần tranh luận, cả hai đều đồng ý rời khỏi hang.

Cũng may cơn mưa lúc ấy đã ngớt. Bầu trời trở lại quang đãng. Ánh tà dương trước khi tắt lịm còn cố nhuộm ửng chân mây. Bên phía Hội An hiện hình chiếc cầu vồng, và xóm nhà giữa rừng chàm của dân đảo cũng bớt vẻ hoang liêu... Khôi Việt hy vọng dựng lều gần đấy, đốt lên một đồng lửa trại, và có thể sẽ xuống gặp gỡ trò chuyện với những chủ vườn nếu họ tỏ vẻ niềm nở.

Chưa chi Khôi đã căn dặn :

— Mình không nên dả động gì đến truyện cái chuông cả. Người ở miền này hình như không muốn dăng mình vào những chuyện rắc rối. Cậu có nhớ là sáng nay, người chủ chiếc xuồng cho mình thuê, đang truyện trò cời mở, đột nhiên im lặng khi nghe tại mình nhắc đến tên thầy giáo Long không?

Việt cảm thấy vững tâm hơn khi bước ra khỏi hang. Anh cười nói :

— Biết đâu thầy giáo Long chẳng lò mò ra đây chơi và cũng khám phá ra miệng vực, rồi nhảy đại xuống xem ai đã đánh tiếng chuông kêu?

Khôi nói :

— Nếu thầy ấy lao xuống vực như chiếc đèn bấm đã lao xuống, thì chắc hết còn sống nổi!

Đến chỗ hốc đá để chiếc lều vải, Việt bỗng sững sốt kêu :

— Ủa chiếc lều đâu rồi? Rõ ràng Việt để nó lại trong hốc đá này mà! Việt nhớ lúc đặt nó xuống có bị cụng đầu vào mỏm đá này!

Khôi cũng ngạc nhiên, lầm bầm :

— Quái gở thật !

Cả hai chia nhau đi tìm. Nhưng vô ích, chiếc lều vải cùng với cột, cọc phụ tùng đã biến mất.

Việt nói :

— Hay là tụi khỉ...

Khôi bực mình, gắt :

— Khỉ nó lấy lều vải của mình làm gì ! Ngày hôm nay thật không hên tí nào ! Vừa mất cái đèn, giờ lại biến luôn cả lều nữa.

Tìm kiếm một hồi không thấy, Khôi Việt đành cho rằng trong lúc hai anh em trú mưa trong hang, có kẻ nào đi qua thấy cái lều đã nâng luôn mất. Việt bàn :

— Mất lều rồi, tụi mình lấy gì cắm trại đây ? ! Không lẽ trở xuống bến, lấy xuồng chèo về Hội An !

Khôi nói :

— Việc ấy không thể được, vì trời sắp tối rồi. Chỉ còn có cách là tụi mình lần xuống xóm vườn dưới kia, kiếm chỗ ngủ tạm đêm nay vậy !

Việt gật đầu đồng ý, kéo bạn đi xuống một ngôi nhà gần nhất. Vấn đề tìm chỗ tạm trú qua đêm, đã làm cả hai người quên lãng câu chuyện tiếng chuông kêu..

CHƯƠNG IV

Trước khi cho phép Khôi Việt sang chơi bên đảo Chàm, chú Triều Dương đã cho hai anh em biết qua dân tình trên đảo. Họ là những người ở xa đất liền, ít tiếp xúc với thành thị, lại sống giữa vùng thiên nhiên hiem trở nên tính khí có phần cứng cỏi và trầm kín.

Khôi Việt cảm thấy e ngại phải tới nhờ họ trong lúc này. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh bắt buộc hai anh em nghĩ không còn cách nào hơn, là tìm đến một trang trại gần nhất. Cả hai định bụng sẽ vào hỏi thăm xem có ai thấy chiếc lều bị thất lạc giữa cơn giông bão. Bằng không, thì xin phép được ngủ nhờ qua đêm.

Tới nơi, cổng trại đóng kín, rào dậu kỹ lưỡng như không bao giờ mở. Khôi Việt phải vòng ra phía sau mới tìm thấy một cửa hậu, gài then bên trong nhưng trên cánh cửa có khoét một lỗ hồng dút vừa lọt bàn tay để người bên trong có thể nhìn ra, hoặc người bên ngoài, — nếu là người

— có thể tự mở then cửa. Khôi Việt đập cửa vừa, ghé mắt qua lỗ hồng vào. Trong bếp có ánh lửa, và trên mặt bàn kê ở giữa gian kẻ cận đã y sẵn mâm bát. Cả gian trên và gian bếp đều không có bóng người.

Việt lầm bầm :

— Sao không ai trả lời nhỉ. Trong bếp có lửa đỏ tắt phải có người ư ?

Khôi nói :

— Chắc họ ở ngoài ruộng, chưa về... Hay họ về rồi, vì mâm cơm đang chờ kia, nhưng có việc gì đó nên họ vừa ra khỏi nhà.

Khôi đẩy mạnh cánh cửa tiếp :

— Cậu xem này, cửa không gài then !

Việt gạt đầu :

— Hay họ xuống dưới bến ? Có lẽ họ xuống đó lúc tụi mình còn gò ở trong hang :

— Họ xuống bến làm gì ?

— Xuống neo lại thuyền cho chắc vì sợ cơn giông vừa rồi.

Khôi có vẻ như chấp nhận lý luận của Việt. Anh bước hẳn vào trong sân lớn tiếng gọi :

— Có cô bác nào trong nhà không ?

Không ai trả lời. Việt đưa mắt nhìn quanh. Mấy con gà thơ thẩn ngoài vườn đang lục tục rũ nhau về ổ. Tuyệt nhiên không một bóng người. Mưa lại lất phất rơi, và bầu trời tối xầm hẳn lại.

Khôi bàn :

— Chắc họ cũng sắp về tới. Trong khi chờ đợi chúng mình hãy vào ăn đồ trong nhà chứa rơm kia.

Dãy nhà chứa rơm và dụng cụ ở vào phía cuối vườn. Đây chỉ là một thứ nhà cầu trống trải, có mái lá che mưa cho khỏi ướt. Khôi Việt chọn một chỗ ngồi nghỉ và quyết định không nấu nướng gì vội khi chưa gặp chủ nhân của ngôi nhà. Hai anh em mở ba lô lấy bánh mì ra ăn đỡ, vừa moi rơm trải xuống đất dùng làm chỗ nghỉ lưng. Cả hai đều đói, mệt, nên không ai buồn nói lời nào.

Mưa nhỏ giọt ở đầu mái lá tí tách rơi xuống hòa lẫn với tiếng gió rì rào ngoài khóm chuối trong vườn nghe dịu dặt như một điệu ru ngủ. Việt

ngáp dài, vươn vai nằm xuống, tay quờ quạng vào đồng rơm, với ý định bứt lấy một nắm để được ngửi mùi thơm của lúa. Nhưng Việt bỗng ngồi nhồm dậy. Trong nắm rơm vừa bứt, có lẫn một mảnh giấy vo tròn. Mở ra coi, Việt gọi bạn :

— Ê Khôi, tớ vừa tìm được cái này. Tụi mình chắc nắm được đầu mối rồi !

Khôi cau mày :

— Đầu mối gì ? Hiện thời tớ chỉ mong tìm lại được cái lều, hoặc được ông chủ nhà tiếp đón vồn vã. Nhưng cậu nhặt được cái gì thế ?

— Một cái phong bì cũ, trên có đề :

Thầy NGUYỄN-ĐÌNH-PHONG
Trường Tiểu học HỘI-AN

Việt vuốt thẳng chiếc phong bì tiếp :

— Như vậy là thầy Phong có mặt ở đảo. Không biết thầy ấy có nghe thấy tiếng chuông không ?

Khôi bồn chồn nhìn quanh :

— Chắc thầy ta đã vô đây nằm ngủ, và nằm cũng chỗ cậu đang nằm.

Việt lật chiếc phong bì xem xét, thấy mặt sau có mấy giòng chữ ghi bằng viết chì, nhưng vì trời tối không đọc được nên anh bảo Khôi :

— Hình như thầy Phong có viết gì đằng sau chiếc phong bì này. Cậu bật đèn bấm lên xem...

Những giòng chữ viết của thầy Phong rất khó đọc, giấy bị vò nhàu, lại nhét vào đồng rơm nên có chỗ đọc được, chỗ không. Rõ nhất là giòng chữ ghi trên đầu góc phong bì: GHI CHÚ VỀ ĐẢO CHÀM.

Phía dưới Khôi Việt chỉ đọc được :

... Phần đất bị chìm của phố Hội cũ. Xem bản đồ V.N thế kỷ XVII ở thư viện quốc gia. Tìm lối đi bí mật dưới ghềnh đá..... báo động cho cảnh sát..... nguy ngập.... tôi khó thoát...

Khôi ghé sát vào tai Việt :

— Chắc có điều gì khả nghi rồi đây Việt ạ. Tớ đoán chắc với cậu là thầy Phong viết những chữ này trong lúc cấp bách, và bị ngăn trở đột ngột nên mới nhét mảnh giấy vào đồng rơm để giấu đi.

(Còn tiếp)

KHUNG TRỜI CỦA QUỲNH

• ĐẶNG TRẦN GIÁNG TIỀN

CHIỀU chậm chậm xuống. Thành phố Huế như bừng dậy, tấp nập rộn ràng. Quỳnh cúi mình trên lan can nhìn xuống. Những tà áo màu thấp thoáng, tới lui khiến Quỳnh đến nhưc mắt. Quỳnh nhắm mắt, lắc mạnh đầu rồi nhìn lên trời, cười mỉm.

Từ phía lầu trước mặt, có tiếng gọi «Quỳnh Như, Quỳnh Như....chó».

Quỳnh quay lại, bắt gặp hai cái đầu của hai con bé nào thụt vào thật nhanh. Quỳnh lờm nó một phát, rồi bậm tay, mím môi đánh dứ mấy cái, nó chạy tọt vào nhà.

Má đang ngồi đan trên ghế bành đặt ở cuối phòng, môi khép lại, nhỏ và hồng, mắt long lanh sáng nhìn Quỳnh đăm đăm. Quỳnh chạy lại, ôm lấy Má nũng nịu.

— Má kỳ quá à. Đặt tên con là Quỳnh Như để hai con bé ở lầu trước mặt cứ chọc Quỳnh Như chó hoài à...

Má mỉm cười:

— Kệ nó! Hơi đâu mà con để ý. Coi, cái mặt nhăn nhó xí chưa kia.....

Anh An ở dưới nhà chạy «đồm đồm» lên cầu thang, thấy Quỳnh đang nhăn nhó vội trêu — Anh í không để hở dịp trêu Quỳnh cơ mà:

— O'! cái mặt nhăn đẹp dữ!

Đem vào sở thú trưng bày giống đó.

— Bộ anh nói em giống.....khỉ hả?

— O'! — anh làm như ngạc nhiên lắm í. Mắt cứ tròn xoe! — Sao Quỳnh thông minh như thế nhỉ? Hôm nay anh nửa kín nửa hở thế mà Quỳnh cũng biết. Thế sao giờ toán bắt anh giảng hoài vậy. Dấu tài như thế rồi người ta cốc đầu cho rồi khóc um sùm.

Quỳnh tức quá, lờm anh một cái. Anh cười khì rồi vù xuống nhà mát. Cứ như là «máy bay phản lực» không bằng.

* * *

— Quỳnh ơi! Đi chơi với anh!

Dầu thích lắm, nhưng Quỳnh vẫn làm bộ — Vì Quỳnh biết ngay, đi chơi với anh í là tới nhà chị Thùy Dương mà thôi. Anh Đặng Trần An bao giờ cũng làm le thế chứ tới nhà chị Thùy Dương là rút rút kinh khủng. Cứ gọi Quỳnh đi cùng thôi. Mà tới nhà chị Dương thì .. eo ơi! Quỳnh sợng rên lên, Chị cho Quỳnh mút, kẹo cứ tung lên vậy đó. Quỳnh giả vờ le lưỡi, rụt vai.

— Em còn dịch bài pháp văn khó ghê! Bài «Thème» này mai thầy chấm mới chết chứ!

Quả nhiên, anh An mắc bẫy ngay. Anh vù đến dứt cây viết Quỳnh đang cầm trên tay vội nói.

— Đưa anh làm cho! Đi thay quần áo lẹ lên!

Quỳnh vẫn đứng đĩnh.

— Nhưng... nhưng còn bài Analyse em chưa làm nữa.

— Gớm! Con bé này khó tính quá. Thôi cứ đi thay áo quần đi. Về rồi làm.

— Không. Về em ăn cơm xong thì buồn ngủ thấy mờ...

Anh An xô vội Quỳnh vào phòng, găt lên.

— Khổ quá! Biết rồi, nói mãi. Để đó tôi làm cho...

Quỳnh tím tím cười, chạy vội vào phòng.

— Xe Vespa của anh An chạy qua khỏi đường Đồng Đa thì rẽ vào đường Trung Trắc. Gió tạt lui khiến tóc Quỳnh bay bay.

Quỳnh níu tay cầm thật chặt, tay kia cầm gói bánh. Bao giờ cũng vậy, đến chị Dương là thế nào anh An cũng mua đầy bánh mì ngọt, lapis xướng, bánh Pâté-Chaude ở Charmignon cơ.

Mãi nghĩ ngợi, chiếc xe anh An dừng lại trước cửa nhà chị Thùy Dương tự bao giờ. Đang ngồi với mẹ, chị Dương tụt vào phòng thật nhanh. Tuy thấy rồi, nhưng anh An vẫn «điệu».

— Thưa bác, có Dương ở nhà không?

Mẹ chị Dương đứng dậy, mỉm cười hiền từ.

— Cháu ngồi chơi An! Cả Quỳnh nữa vào đây ngồi, làm gì mà cứ lắp

lố ngoài cửa hoài vậy... Dương nó ở trong phòng!

— Dương ơi! Có An nè...

Có tiếng « dạ » nho nhỏ ở phòng trong, một chốc, chị Thùy Dương bước ra vẫn mái tóc dài, vẫn lên đầu để lộ cái gáy trắng, tròn trĩnh.

Mẹ chị Dương, đi vào nhà sau, vừa đi vừa nói.

— Chà! quên « son chère » !!!

Anh An lúng túng, nhìn chị Dương. Quỳnh mỉm cười tinh nghịch cúi xuống, giả vờ cài lại giày rồi béo khê anh một cái. Anh giựt nảy mình nhưng rồi cố gượng vui vẻ bảo.

— A! Quỳnh đưa gói bánh cho chị!

Quỳnh tím tím cười, ngẩng lên, vói tay ra sau lưng anh An để lấy.

Chị Dương chợt kêu lên.

— Sao mua nhiều vậy? Anh An « phiền ghê a tề »!

Quỳnh vội la lên:

— Hợp ý Quỳnh « ghê a tề »! rồi nhìn anh An, tím tím cười. Anh An đỏ mặt, lườm Quỳnh một phát - Chẳng là anh í câu gì cũng « ghê a tề » cả. Phiền ghê a tề mí lại hợp ý mình ghê a tề. Quỳnh cứ chọc anh hoài!

Chị Dương sắp bánh ra đĩa. Ngón tay trắng muốt của chị « hoạt động » trên đĩa bánh khiến Quỳnh nhìn không chán mắt. Trong lúc hai anh chị ngồi « e lệ » nhìn nhau, thỉnh thoảng nói những câu vu vơ thì



— Anh cứ la Quỳnh hoài,
Nó làm sao mà dám tới
Dương chơi nữa?

Được bình, Quỳnh khoái
lắm. Kể xấu anh đủ điều.
Nhưng là anh ở nhà cứ
trêu em hoài! Giờ toàn
anh cứ cho em ăn đòn
luôn luôn! Anh An hậm
thực nhìn Quỳnh. Thấy vậy
Quỳnh đề nghị ngay — Kể
tội anh mà.

— Thôi, chị Dương vô
hay áo quần đi mau. Đi
ciné anh An đái. Phải không
anh An?

Dầu bực mình, anh An
cũng ngán cái «lém lỉnh»
của Quỳnh. Gật đầu, anh
bảo chị Dương.

— Ờ! phải đó.

∴

Quỳnh đấu chưởng mềm mí đĩa
bánh. Đến khi anh, chị quay lại thì...
đĩa bánh chỉ còn mấy chiếc.

Vừa trả thù được anh, vừa ăn
được bánh, Quỳnh khoái lắm. Cứ
ríu rít với chị Dương luôn miệng.

Anh An la Quỳnh.

— Quỳnh chi chi ấy. Có để chị
Dương ăn bánh không? Cứ hỏi tí
lia tí lia làm sao chị trả lời?

Quỳnh sịu mặt, ngồi im. Chị
Dương thương hại, vuốt tóc Quỳnh
dịu dàng trách anh An.

Về thầu nhà, là anh An mắng
Quỳnh một trận. Mẹ nghe anh «nhả
đạn đại liên 20 ly» hăng quá thì vội
hỏi. Nghe anh An kể lại chuyện bằng
giọng ầm ức, mẹ cười xòa.

— Có vậy mà cũng mắng em! Ai
bảo cứ dắt nó đi theo!

Quỳnh được mẹ bình, khoái quá
cười hì hì, còn chọc anh.

— Mẹ nói rằng mà «hợp ý con ghê
a tề!»

Còn mặt anh An thì dài thọt
nhưcụ già!!! ●

Tiếp theo

Chúng nó chia tay nhau ngay đầu con hẻm nhỏ dẫn vào nhà Tú thiếu lâm. Hai thằng Dzục và Tự không quên hẹn hò :

— Chiều mai tới trường tao đá banh nhé Tú thiếu lâm, ba tao mới cho 1 quả banh « tề nít » mầy ạ !

— Chiều mai nhé, đá banh xong, ra đồng tụi mình cỡi bò đánh trận thú! ầm !

— Tú thiếu lâm siết chặt tay 2 thằng bạn, nó không quên 1 câu từ chối quen thuộc :

— Chưa chắc chúng mầy ạ ! tao sợ đi tao...

Dzục phá lên cười :

— Kệ nó đi mầy, thiếu mầy đá banh mất hứng, buồn chết.

Tự phụ hoạ :

— Ủ, đúng hẹn tụi tao tới kêu mầy. Ráng lựa kế chuồn êm nhé !

— Tao sẽ ráng. Thôi, tao về nhé.

— Ủ, chúc mầy ngủ ngon tối nay.

Hai thằng kia chạy biến vào nhà, còn lại mình Tú, nó lững thững bước. Nó vụt nghĩ đến thầy Du. Nó hình dung gương mặt hiền từ của thầy. Quái, không hiểu sao suốt tuần nay, nó cứ nghĩ đến thầy Du mãi thế ! Từ cái trưa gặp thầy,

chẳng biết sao, từ đó, hình ảnh thầy hình như đã in sâu vào tâm khảm Tú. Xa thầy vài hôm là nó cảm thấy nhớ thầy kinh khủng. Từ hôm gặp thầy, mua dầu xong trở về nhà, may cho nó, đi nó đã ngủ say, Tú hú hồn 1 phen. Chiều hôm đó, đi nó vừa xách nón đi khỏi, lập tức ba chân bốn cẳng Tú chạy tới nhà thầy Du thăm thầy.

Thầy tiếp nó ân cần, thương nó như một người ruột thịt. Cứ mỗi buổi, hễ đi nó vừa ra khỏi nhà là a lê hấp ! Tú thiếu lâm một mạch chạy bộ đến nhà thầy chơi. Hình như vắng bóng thầy độ chừng hai hôm là nó chịu không được, nó tương tự giọng nói đầm ấm của thầy, những cử chỉ vuốt ve triu mến mà ngày thường Tú vẫn hằng mong ước. Ở nhà có ai vuốt ve nó, nói với nó một lời triu mến, thiết tha với nó đâu, chỉ có là roi mây, bộp tai của đi nó thôi.

Tú đem chuyện của nó với thầy Du ra kể với thằng Dzục, thằng Tự, tụi nó cứ ngẩn người ra nghe, nghe say mê lắm, thằng Dzục tâm sự là nghe chuyện của Tú thiếu lâm còn hấp dẫn, sung sướng hơn là truyện « Dế mèn phiêu lưu ký » mà thầy nó đã đọc cho cả lớp nghe dạo nọ...

Tú vừa đi, vừa vẽ sẵn 1 chương trình ngày mai, nó sẽ trốn đến nhà

thầy Du, chơi ở thiên đường ngày xanh của nó suốt buổi mai đó, Tú cân nhắc, trận đòn của di nó với cuộc chơi với thầy, trận đòn nhẹ quá, hai cái chân lệch nhau như hòn đá và tờ giấy cùng đặt lên cân...

Tú bỗng cảm thấy sung sướng, nó bước vào nhà, mọi hôm cứ đặt chân vào nhà là nó đã có một cảm giác rờn rợn, thế sao hôm nay nó xem thường quá.

Nó cảm thấy tự nhiên mình trở nên dũng mãnh quá. Tú tự tin mình vô tở !

Vừa đặt chân ở thềm cửa, Tú chợt giật mình. Có tiếng ai nghe quen thuộc quá, Tú nhớ ra, giọng nói mà ngày thường nó hằng kính nể, mến yêu, phải rồi, tiếng thầy Du! Tú ngạc nhiên, nó đặt dấu hỏi to tướng trong đầu, Thầy Du đến nhà nó, mà có chuyện gì? Tú hoàn toàn mù tịt! Nó lấp ló ở cửa, ghé mắt nhìn vào. Thầy Du ngồi đối diện với di nó, hai người nói chuyện nho nhỏ, lắng tai nghe kỹ Tú mới nghe được:

— Cảm ơn bà, thật may c ho tô quá!....

— Không có chi thầy giáo ạ. Chẳng qua là tôi nghĩ đến tương lai của thằng Tú thôi.

Tú lại thót ruột, không biết có chuyện gì mà lại có tên nó trong đó nữa. Lòng Tú thiếu lắm đang thấp thỏm chợt có tiếng di nó gọi:

— Tú làm gì đứng ngoài đó, vô đây đi nói chuyện này....

Giọng di hôm nay sao ngọt ngào êm dịu thế, Tú nghe cơ hồ như uống 1 cốc nước chanh ngọt lịm, à, hôm nay chắc di nó tu, chả ngày rằm là

gì. Tú rút rề bước vào, thấy nó, di rời khỏi ghế bước lại kéo nó vào lòng, di vừa xoa đầu Tú vừa nói chuyện với thầy:

— Thầy cho biết là hôm nào đi để tôi còn sửa soạn cho nó.

Tú sửng sờ, di nó quả tu thật, hôm nay trông di chả khác ông sư già ở chùa Linh-Bảo, ông sư hiền đã in sâu hình bóng vào tâm hồn Tú dạo nó còn nhỏ, thường theo mẹ lên chùa.

Thầy Du nhìn Tú, tia mắt của thầy dịu hiền, bao la như lòng đại dương xanh thẳm, Tú cảm thấy mình bé nhỏ lại như 1 con ốc nhỏ giữa lòng đại dương.

— Thưa bà mốt ạ. Cũng dư thời giờ thu xếp cho Tú.

Tú giương to đôi mắt nhìn di, nhìn thầy giáo, nó ngơ ngẩn. Di nó đỡ lời bảo Tú, giọng thiết tha:

— Tú, còn thêm ngày nữa là con rời khỏi làng này rồi con ạ! Di cho con theo thầy giáo lên tỉnh học hành, để nối tiếp sự học dở dang của con ngày xưa....

Tú bàng hoàng:

— Rời khỏi làng này hử di? Thế còn di?

Di nó xoa đầu đứa con ghê, vẫn thiết tha:

— Di ở lại với em Phi. Con theo thầy giáo nhé!

Thầy Du nãy giờ im lặng, chợt xen vào:

— Tú, thầy hết dạy ở trường làng nữa rồi, thầy được chuyển lên tỉnh dạy học. Con đi theo thầy con nhé. Tú, con bằng lòng không?

Tú sống sờ, đời của nó thay đổi mau quá, ngã rẽ hiện lên trong đầu óc nó, hai con đường của cuộc đời, của ngày xanh. Một con đường có bóng thẳng Dzục, thẳng Tụ, kỷ niệm ngày xanh của nó đấy. Thiên đàng của chuỗi ngày tuổi nhọc....

Con đường kia vẽ tương lai của Tú thiếu lâm, có thầy Du, tình thương bao la ôm lấy hình hài khổ cực của nó đấy !

Tú hoang mang. Tiếng thầy Du dịu hiền :

— Con bằng lòng không Tú ? Thầy không ép buộc con, tuy nhiên thầy thương con, Tú ạ, thầy thiếu nguồn an ủi của tuổi già. Thầy muốn con ở mãi bên thầy. Con nhé !

Di nó cúi xuống vuốt tà áo cho nó, di hỏi :

— Con bằng lòng không Tú ?

Tú giật mình, tự nhiên không hiểu tại sao nó lại gật đầu. Nó sẽ xa tụi thẳng Dzục, thẳng Tụ, xa làng nhỏ thân yêu, xa nơi gửi tuổi thơ, kỷ niệm ngày xanh đầy tiếc nuối. Tụ đứng, Tú thiếu lâm khóc. Di nó rút khăn lau nước mắt cho nó :

— Sao lại khóc, con. Vui lên chứ !

Thầy Du ái ngại nhìn Tú thiếu lâm, thầy an ủi :

— Đừng buồn con ạ, con sẽ quên đi những nỗi buồn đó. Thầy sẽ ở mãi cạnh con, khuyến khích con trên bước đường học vấn mai ngày của con.

Thầy Du nói, nhưng Tú còn ghegi đầu ,nó đang chìm trong biển sương mù mịt, thẳng Dzục, thẳng Tụ hiện ra. Chúng nó nhìn Tú cười rạo rỡ.

7

Đá bóng xong, bọn nó rủ nhau ra đồng cời bò tập trận, Chúng nó chơi miễn cưỡng chơi cho quên nỗi sầu ngày mai, mặt thẳng nào cũng dàu dàu như 3 cái giẻ rách nhúng nước...

Thẳng Tụ khơi mào câu chuyện :

— Thôi nghỉ chơi, buồn quá chúng mày ạ !

Dzục giàn thung nhìn chân trời, hoàng hôn đang xuống, chân trời tím nhạt, luá vàng lao xao điệu ru trong gió. Nó buồn nghẹn ngào :

— Tú ơi !

Tú thiếu lâm buồn không kém, nỗi sầu đùn lên, mắt 3 đứa trẻ, nghe bạn gọi, nó dàu dàu :

— Gì vậy Dzục ?

Dzục giàn thung ngớ ngẩn :

— Ngày mai mày đi rồi hả Tú ?

Tú thiếu lâm gõ nhẹ lên sừng bò, buồn nào nề :

— Ủ, nhưng thôi đừng nói chuyện đó nữa, buồn lắm !

— Nói cho hết buồn mày ạ !

Tú gục đầu, nó nghe tiếng lúa reo trong gió chiều, lòng nao nao. Dzục giàn thung lại hỏi :

— Ngày mai mấy giờ mày đi ?

— Sáu rưỡi sáng. Sớm quá mày nhỉ ?

— Tao sẽ ra tiễn mày với thầy, Tú nhé !

— Tùy ý mày đấy.

Tụ chần bò gục mặt, buồn thấm thía. Nó chép miệng :

— Giá mà đừng đi Tú nhỉ

Thằng Tú không trả lời. Chiều đang xuống. Có tiếng mục đồng trên ruộng lúa đang xa gọi trâu về chuồng.

Chúng nó chia tay.

8

Thầy Du ôm Tú vào lòng, sưởi ấm cho nó.

Thằng bé lim dim ngủ. Bến xe buổi sáng điu hiu quá, gió sớm vù vù lạnh buốt. Thấp thoáng trên con đường cái quan, 1, 2 khách bộ hành co ro rảo bước. Một hai chiếc xe đã nổ máy khởi hành, máy kêu vang trong cái bến nhỏ.

Tú chợt mở choàng mắt, nó ngược mắt nhìn thầy Du :

— Xe chưa khởi hành hử thầy ?

— Chưa con ạ. Buồn ngủ không, cứ ngủ đi.

Tú lắc đầu. Sương mù chưa tan, làng thôn thêm thiếp ngủ, cây tre đầu xóm của nó kia, nhỏ quá, mấy vì sao chưa lặn điềm mờ mờ trên bầu trời xám.

Tú nằm trong lòng thầy, nó vẽ trong đầu miền tỉnh lý nó sẽ đặt chân đến. Nó sẽ đi học lại, học trò trường tỉnh ra sao ? Tú đâm ra hãi sợ.

Tú ngồi dậy, hành khách lúc này đang lục tục kéo lên xe. Hai cái bóng nhỏ in dưới bầu trời giăng sương sớm, Tú reo lên :

— Tụi nó tới.

Thầy Du nhìn theo, nét mặt lộ vẻ vui mừng :

— Thằng Dzục !

Tự, Dzục hốt hải chạy tới, chúng nó chạy tới bên xe bá lấy chân thầy hồn hèn reo :

— Thầy !

— Tú !

Thầy Du ái ngại nhìn đũa học trò, thầy âu yếm xoa đầu nó :

— Trò không ngủ à !

Dzục giàn thung rơm rơm nước mắt, nó ôm thầy, tay kia bá chặt vai Tú thiếu lâm, nức nở :

— Thầy ra đi mạnh giỏi.

Nó xoay sang nhìn thằng bạn :

— Mày lên đó ráng học nhé !

Tự siết tay Tú thiếu lâm, nhỏ nước mắt :

— Gắng học nhé Tú. Rảnh viết thư về thăm bọn tao nhé ?

Tú thiếu lâm rơm rớm lệ, ôm lấy hai thằng bạn nghẹn ngào :

— Chúng mày ở lại mạnh khỏe !

Thầy Du nhìn chúng ứa nước mắt. Tuổi ngọc của chúng đó ! Thầy nhớ lại tối qua, bọn học trò lũ lượt kéo đến nhà thầy, chúng nó đổ hoe mắt nhớ thương thầy giáo. Thầy mũi lòng, tuổi thơ của thầy thể hiện ở đấy, thầy tìm những ngày xanh của thầy cũng ở đấy. Tình thầy trò cao đẹp như 1 đóa hoa chớm nở. Ba thằng bé chụm đầu tâm sự, chúng gửi tình thương cho nhau, mấy cụ già nhìn chúng cũng rơm rớm nước mắt.....Xe sắp chuyển bánh, Dzục và Tự rời xe. Khói xe phun mù mịt đem Tú thiếu lâm lên miền tỉnh lý. Bóng Dzục giàn thung và Tự chặn bỏ vẫn đứng sững. Ngày xanh của Tú thiếu lâm gửi lại ở đây....

Hà-Thức-Khánh

Thác Khone huyền-bí

(tiếp theo)







EM RUN QUA
HAI LƯU ỒI!!



VỚI BỐN KỸ SẠM
LẠI NOUN TRỞ TÀI.



VÀ DỰ ƠN ĐƯỢC
THI HÀNH MỘT
CÁCH KHỎ QUAN.



MỘT CUỐN DÂY VÀ MỘT
THANH SẮT TO... BỐN
TRẺ CỎI VẬY MÀ
KHẢ LƯU?



BỊ CHỦ CỘT
CHẶT VÀO DÂY
VÀ HẠ ĐỊA HÌ







Lịch-sử các phát-minh vĩ - đại của loài - người

Các phát minh kế tiếp (Tiếp theo)

- LA-BÀN, THUỐC SÚNG, MÁY IN
- TỰ-HÀO CỦA DÂN-TỘC : chính người Việt-Nam đã phát-minh súng thần cơ đầu tiên của nhân loại.
- AI LÀ TỔ NGHỀ IN Ở VIỆT NAM ?
- NHỮNG CUỐN SÁCH CÓ MỘT KHÔNG HAI CỦA NHÂN LOẠI.

LÀ I những thế kỷ dằng dặc trôi qua... Loài người không có những phát minh nào xứng đáng cả. Thật ra, trong giai đoạn này, có một phát minh ích lợi bậc nhất cho nhân loại mà ít ai biết đến : đó là *cái giường ngủ*. Nhưng tên nhà phát minh thì lại không thể nào biết được như tên nhà phát minh ra lửa !

Mãi đến năm 1.000 sau Tây Lịch, người ta mới gặp một phát minh đích thực quan trọng.

Nhưng phải chăng đó là một phát minh thực sự đặc sắc ? Đây không phải là vấn đề chúng ta phải giải quyết, hơn nữa các nhà bác học vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này. Phát minh này chính là *la bàn* hay *địa bàn*. La bàn là một dụng cụ mà các nhà hàng hải phải dùng nếu không muốn bị lạc khi vượt biển đến những chân trời vô định. Hồi chưa có la bàn, nhà hàng-hải không bao giờ

dám đi xa bờ biển quá vì sợ không biết đường trở về.

Trong suốt thời thượng cổ, các nhà hàng hải đều dùng bờ biển làm điểm tiêu chuẩn. Theo tục truyền, người Phénicie là các nhà hàng hải dũng cảm nhất đã tạo nên những kỳ công bất hủ. Họ đã dám lìa xa Địa Trung Hải, vượt qua eo biển Gibraltar và tiến đến tận đảo Canaries ở Đại Tây Dương. Ngoài ra họ đã mất nhiều năm để đi vòng quanh Châu Phi nhưng bao giờ cũng sát bờ biển.

Nhưng ở thời mà Ulysse (1) đi khắp Địa Trung Hải không có la-bàn thì ở tận cuối Châu Á xa xôi, người Trung Hoa dùng những xe ngựa hai bánh để di chuyển.

Trung Hoa là một lãnh thổ vĩ đại, bao la như biển cả nhưng thời bấy giờ có rất ít đường bộ lưu thông và đường thủy thì chỉ có vài con sông

(1) ULYSSE : tên một nhân vật thần thoại của Hi-Lạp, đã thực hiện một cuộc phiêu lưu khắp Địa Trung Hải trong suốt mười năm trường. Ulysse là một nhân vật chánh trong thiên anh hùng ca vĩ đại Odyssée của Homère (Homère sống vào khoảng thế kỷ thứ IX trước Tây lịch). Đây là một đại tác phẩm của nhân loại mà bây giờ vẫn còn giữ địa vị siêu việt. Có nhiều nhà học giả đã so sánh Kim Vân Kiều của Nguyễn Du với Odyssée của Homère và coi hai đại tác phẩm này ngang nhau (? !)

lớn như Dương Tử Giang, Hoàng Hà... Sự vĩ đại này đã tạo ra những chướng ngại vật không thể vượt qua nổi và chướng ngại vật to lớn nhất chính là sự khó khăn định hướng. Khi phải vượt qua những vùng đồng bằng vô tận hay phải trèo lên những ngọn núi cao, con người có thể bị lạc không biết đường đi lối về y như trường hợp giữa biển cả mênh mông. Vì khó khăn này nghĩa là vì nhu cầu về sự sống, người Trung Hoa đã tìm kiếm phát minh ra một dụng cụ có thể định hướng được. Có rất nhiều tài liệu quan trọng của Trung Hoa cho biết các vị Hoàng đế Trung Hoa luôn luôn dùng đến một cây kim nhỏ bằng nam châm gắn chặt trên một trụ cốt khi phải đích thân cầm quân đi chinh phạt một vùng xa xôi nào đó. Lẽ dĩ nhiên cây kim nhỏ này chỉ hướng Bắc và hướng Nam. Nhưng có điều khác hẳn người Âu Châu sau này, người Trung Hoa định hướng về hướng Nam chứ không phải hướng Bắc. Có hai loại la bàn rất thô sơ : một loại gồm một cây kim treo bởi một sợi chỉ, một loại gồm một cây kim nổi trên một chậu nước.

Ở Địa Trung Hải, hồi chưa có la-bàn, các nhà hàng hải định hướng bởi mặt trời (nếu ban ngày) và sao bắc cực (nếu ban đêm). Vào những ngày trời xấu, đêm không một ánh sao, các nhà hàng hải đành phải phó mặc mạng sống của mình cho may rủi, có mất mà như mù !...

Phát minh la bàn đã được truyền từ Trung Hoa đến vùng Địa Trung Hải vào một ngày đẹp trời. Người ta nói

do Marco Polo (2) đem từ Trung Hoa về năm 1320. Nhưng lại có một tài liệu khác (3) nói không phải do Marco Polo mà do chính người Ả Rập. Theo tài liệu này, người Trung Hoa đã biết dùng la bàn vào năm 1 000 trước Tây lịch. Người Trung Hoa dạy người Ả Rập dùng la bàn và người Ả Rập truyền sang Âu Châu vào thời đại Thập Tự Quân (4) (thế kỷ 11-12). Cả hai tài liệu đều đồng ý một điểm : Chính người Trung Hoa phát minh ra la bàn, và la bàn là một dụng cụ cần thiết để đi biển mà không sợ bị bơ vơ, lạc lối giữa Đại dương xanh ngắt vô tận.

Tuy người Trung Hoa phát minh, nhưng la bàn lại được cải thiện và trở nên hoàn hảo bởi người Âu Châu. Chính người Amalfitain, những đại thương gia ở miền nam Ý Đại Lợi, đã canh cải la-bàn bằng cách vẽ *một la-bàn hoa thị* (32 cánh) mà trên đó sao Bắc Cực được chấp nhận theo quy ước là hướng Bắc.

Có một lịch sử khác cũng rất giống lịch sử la-bàn, lẽ dĩ nhiên chỉ giống về một vài khía cạnh nào đó thôi. Đó là lịch sử của *thuốc súng*.

Thuốc súng vẫn chính do người Trung Hoa phát minh trước nhất. Người Trung-Hoa đã dùng thuốc súng để đốt pháo bông,

Như thường lệ, phát minh này đã biến mất. Công thức chế tạo chỉ được truyền miệng từ cha đến con, từ con đến cháu... và một đôi khi được ghi vào vài tờ giấy với lối viết không thể nào đọc nổi. Vì thế, công thức chế tạo

(2) Marco Polo (1254-1324) là tên một nhà du lịch lừng danh Ý sinh ở thành Venise, ông đã du lịch khắp Á Châu. Thiên du ký của ông (*Le livre de Marco Polo*) là một tài liệu vô cùng quý giá nhất về phương diện địa lý.

(3) Tài liệu của Larousse Universel.

(4) Thập tự quân là tên chỉ tám cuộc trường chinh của Âu Châu Công giáo vào thế kỷ 11 và 12 để chiếm lại thánh địa Palestine (1096-1276) bị quân của đạo Hồi giáo chiếm giữ.

thuốc súng bị thất truyền và có thể biến mất luôn nếu không được phát minh (hay phát minh lại) bởi một vị tu sĩ Đức trong một dịp khá ngộ nghĩnh.

Vào khoảng năm 1250, dưới hầm của một tu viện, có rất nhiều tu sĩ đang thực hiện những thí nghiệm về thuật luyện đan. Các tu sĩ, người thì đang giã một loại bột mịn trong những cối bằng đá, người thì đang chưng những chất lỏng màu khác nhau trong những nồi cát và nồi cổ cong. Tất cả đều mê say hăng hái trong khi làm việc, các vị tu sĩ này đang làm gì vậy? Họ đang tìm cách chế tạo diêm kim thạch, vì theo niềm tin thời Trung cổ lúc bấy giờ, diêm kim thạch là một loại đá có thể biến tất cả các kim loại khác thành vàng. Thật là mò trăng dưới đáy biển. Nhưng trong các vị tu sĩ này, có một vị tên *Berthold Schwarz* đang giã một cối một cách mạnh mẽ hết sức lạ thường. Thấy vậy, một người bạn ông ta hỏi và được ông ta trả lời như sau:

— Tôi đã tìm thấy một công thức tuyệt diệu trong một cuốn sách viết tay ở đông phương. Đây này, công thức như sau « Lấy một nắm nhỏ — chà! Khó đọc quá! — ... một nắm nhỏ bột than đá, kế đó thêm vào hai muỗng hỏa tiêu (nitrat kali), đồng thời đổ vào vài nhúm lưu huỳnh và giã tất cả thật mạnh đến khi nào trở thành một loại bột thật mịn. Coi chừng chừng...» *Berthold* trườn mình trên cuốn sách viết tay.

— Sao vậy, huynh *Berthold*? Coi chừng cái gì vậy?

— Vô ích, đọc không nổi! Tôi không thể nào đọc được! Không thể nào hiểu được. Bây giờ...

— Bây giờ anh hãy tiếp tục giã đi. Nhất định không có gì nguy hiểm đâu.

Được bạn khuyến khích, sư huynh *Berthold* càng giã mạnh hơn nữa. Thình lình một ngọn lửa sáng ngời nổi lên và tất cả bột trong lửa bốc cháy dữ dội. Tất cả các tu sĩ có mặt lúc đó hết sức kinh ngạc. Tất cả đều chạy lại bu chung quanh sư huynh *Berthold* và đọc đi đọc lại công thức ghi trong sách pháp thuật.

Mọi người bèn đổ vào một cối thật to những thành phần ghi trong công thức và thay phiên nhau giã để thực hiện lại thí nghiệm trên.

Chắc em đã hiểu ngọn lửa đầu tiên là do một tia lửa phát ra bởi cái chày chạm vào cối đá. Và chính tia lửa này đã làm tất cả hỗn hợp bốc cháy. Lịch sử không ghi lại ai là người cầm cái chày vào lúc có một sự bùng nổ thực sự phát ra thay vì một tia lửa giản dị như sư huynh *Berthold* thực hiện vừa rồi. Một phần tu viện bị đổ nát và có lẽ tất cả các tu sĩ trên đều là nạn nhân của sự nổ này. Em đã thấy do cách trên mà *Berthold Schwarz* đã khám phá lại thuốc súng.

Than ôi! Thật là đau khổ cho loài người! Kể từ bấy giờ, loài người không bao giờ quên công thức chế tạo thuốc súng nữa, trái lại còn dùng chúng cho súng đại bác và súng hỏa mai; dần dần đến những loại súng hiện đại vô cùng tối tân và khủng khiếp. Và nếu ngày nay loài người không thêm dùng thuốc súng đen ngòm này nữa thì có lẽ tình hình thế giới trở nên tốt đẹp hơn và nhất là dân tộc Việt Nam khỏi phải mang danh là dân tộc đau khổ nhứt thế giới nữa.

Đến đây em đã biết thuốc súng do người Trung Hoa phát minh nhưng bị thất truyền và do một vị tu sĩ người Đức phát minh lại vào năm

1250. Bắt đầu từ năm này, loài người biết xử dụng thuốc súng một cách khoa học để tiêu diệt (!) lẫn nhau. Nhưng người phát minh súng thần cơ (một loại súng đại bác xưa) đầu tiên của nhân loại là ai, em biết không? Có lẽ em rất bất ngờ và không bao giờ dám ngờ đến : *Chính người Việt Nam là nhà phát minh súng thần cơ đầu tiên của nhân loại.* Đây không phải vì tự ái dân tộc mà là một sự kiện lịch sử đích thực đã được ghi chép trong sử sách (5). Nhà phát minh này là Hồ nguyên Trùng, con trai của Hồ quý Ly. Đó là do nhu cầu tự vệ chính đáng. Vào khoảng thế kỷ XV, nhà

Minh bên Tàu sang xâm lăng nước ta núp dưới huyền thoại « Phù Trần diệt Hồ ». Mặc dầu là một nhà chính trị có tài đã dám thực hiện những kế hoạch độc đáo trong lịch sử (chẳng hạn như làm tiền giấy...), Hồ quý Ly và Hồ nguyên Trùng đã bị quân Minh bắt đem về Tàu. Nguyên nhân chánh của sự thất bại của Hồ Quý Ly có lẽ là vì trình độ dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ chưa theo kịp những kế-hoạch, sáng kiến đi trước thời đại. Nhưng đây không phải là phạm vi của chúng ta. Người Minh học cách chế súng thần cơ của Hồ nguyên Trùng và lập viện Thần cơ chuyên chế tạo súng này. Mặc dầu là « tù binh » Hồ nguyên Trùng vẫn được người Minh phong chức Hộ bộ Thượng Thư coi việc chế súng. Về sau, khi Hồ nguyên Trùng chết, người Minh mỗi khi tế binh khí thì luôn tế cả Trùng nữa. Hiện giờ, người ta vẫn coi người Trung Hoa là nhà phát minh ra loại súng này đầu tiên. Đó là một sự sai lầm lịch sử hết sức lớn và chúng ta, con cháu của Hồ nguyên Trùng, có bốn phận

phải biết và đính chánh nếu cần thiết.

Sau khi phát minh lại thuốc súng, loài người bắt đầu qua khỏi thời đại trung cổ và càng ngày càng chú ý tới khoa học. Trong lúc những nhà thông thái bắt đầu dùng những phương pháp mới để chinh phục chân lý thì người ta thấy tình yêu văn chương và nghệ thuật phát sinh lại trong các tầng lớp quần chúng. Vì thế các người chép văn phải làm việc hết sức cực nhọc để sao lại các bài thơ, các truyện cổ, chép lại các bản văn tìm được của các thi sĩ, nhà văn lừng danh đời Thượng Cổ hầu thỏa mãn nhu cầu trí thức cho các giới quý phái, thượng lưu (lúc bấy giờ dân thường đâu có để mà mua nổi các cuốn sách chép bằng tay).

Công việc này hết sức chậm chạp và nặng nhọc. Người ta bắt buộc phải tìm kiếm một phương pháp mới để in lại các trang của bản thảo một cách nhanh nhứt. Giải pháp đầu tiên phát sinh ... Chính một người Trung Hoa (cũng người Trung Hoa), một người Trung Hoa đời Đường (618-977) ở tỉnh Tứ-xuyên đã tìm ra giải pháp đầu tiên này.

Ông ta khắc các chữ lộn ngược lên một tấm bảng bằng một trang của bản thảo nào đó. Lẽ dĩ nhiên phải hết sức kiên nhẫn. Kế đó ông ta bôi mực đen vào các bảng chữ lộn ngược khắc trên tấm gỗ và in trên mảnh một tờ giấy. Bản văn được in một cách rõ ràng và tấm bảng gỗ này có thể dùng để in rất nhiều bản văn trên. Mãi đến thế kỷ thứ XII phương pháp này mới bắt đầu dunhập sang Âu-Châu. Về thành tích phương pháp in này, ta phải kể đến thành tích của Phùng-Đạo đời

(5) Xem Việt Nam Danh nhân tự điển của Nguyễn huyên Anh và Hán Việt tân tự điển của Hoàng thúc Trâm.

Ngũ Đại bên Tàu (907-909) đã khắc cả một pho Kinh Phật vào bản gỗ... Nhưng phương pháp này chưa được thực sự tiện lợi, ít thực dụng và rất tốn tiền bởi vì công việc khắc chữ lên bản gỗ rất mệt nhọc và mất rất nhiều thời giờ. Người ta phải chờ đến năm 1.440, một người Đức tên *Jean Gutenberg* phát minh ra chữ in rời thì cách mạng thực sự về nghề in mới bắt đầu hiện rõ. Thật ra thì lối in chữ rời cũng được phát minh trước bởi người Trung Hoa nhưng cũng như trường hợp thuốc súng và la bàn, phát minh này bị quên lãng. Nhà phát minh Trung Hoa này tên Tất-Thắng sống vào đời nhà Tống (960-1278). Ông lấy bùn trộn với một thứ nhựa, rồi nặn thành các chữ rời và đem vào lò nung cho thật rắn. Nung xong, đem các chữ xếp lên một mảnh sắt, bôi mực vào và đem in. Khi in xong một cuốn sách, lại tháo rời các chữ ra và chuẩn bị in cuốn khác. Phương pháp này gọi là phương pháp in hoạt bản.

Tại sao Gutenberg lại phát minh ra chữ rời để in sách? Hồi 15 tuổi, sau những buổi đi dự thánh lễ ở nhà thờ về, Gutenberg rất thêm thường ao ước có được một cuốn Thánh Kinh rất đẹp mà các người quý phái thường cầm vào nhà thờ. Chàng ta bèn cố gắng nhịn ăn, nhịn mặc để dành tiền mua cho được cuốn Thánh Kinh. Sau những tháng dài, chàng ta đem tiền ra đếm, tưởng rất nhiều, chàng ta hí hửng chạy đi thực hiện mộng đẹp. Nhưng chàng ta chợt hững ngay vì giá sách đắt quá, sách phải chép tay mà, và chàng ta sẽ không bao giờ mua nổi chỉ trừ khi có cách nào làm cho sách rẻ! Làm sao in được sách rẻ để phổ biến vào tất cả các tầng lớp quần chúng nghèo cũng như giàu? Đó là nguyện vọng tha thiết của Gutenberg.

Một bữa, Gutenberg đứng hóng mát dưới gốc một cây táo. Sẵn tay cầm con dao nhíp, ông ta khắc chơi trên thân cây chữ G. Thấy chữ G nổi bật, ông ta bỗng có một ý tưởng lạ. Ông chạy về nhà lấy những mảnh gỗ khắc vài chữ rời và đem ráp lại thành chữ ĐỘC LẬP rồi bôi mực vào đem in thử nhưng không thành công lắm vì gỗ rất mềm, chữ gỗ hay sứt mẻ, in không được rõ ràng. Về sau thấy chì mềm ông thử đúc những chữ rời bằng chì và đem in thử. Lại thất bại một lần nữa chữ chì bẹp dí vì phải dập mạnh quá.

Về sau, nhờ sự cộng tác của một người làm ở nhà in tên Pierre Schoeffer (1425-1502), Gutenberg chế ra được một hợp kim để đúc chữ in cho dẫn và một máy in rất tân kỳ đối với thời đại lúc đó. Máy in này có sức ép rất mạnh. Hợp kim để đúc chữ gồm có chì là kim loại chính vì mềm, kể đó là Antimoine và thiếc để chữ dẫn thêm, đồng thời không rỉ được.

Nhưng mãi đến năm 1569, mới có một nhà in qui mô ở Ba-Lê do hai ông Heynelin và Fichet làm chủ. Lúc đầu, vì mất quyền lợi, phường chép sách chống trả dữ dội, muốn tiêu diệt nhà in trên bằng đủ mọi cách. Nhưng nhờ vua Louis XII và François I bênh vực, nghề in không những không bị tiêu diệt mà còn càng ngày càng phát triển... *Cuốn sách in đầu tiên bằng chữ rời là cuốn Thánh kinh.* Khi in cuốn này, người ta phải dùng ba triệu chữ rời và mất mười tám tháng trường làm việc không nghỉ. Việc in sách từ bấy giờ trở nên hết sức dễ dàng. Sự phổ biến đích thực văn hóa mới bắt đầu... Khoa học và nghệ thuật không còn là đặc hữu của một thiểu số nữa tất cả mọi người giàu hay nghèo, sang hay hèn, vua hay thứ dân, đều có thể đọc và hiểu những đại tác phẩm của

nhân loại. Thật vậy, một kỷ nguyên mới của nhân loại đã bắt đầu từ lúc Gutenberg phát minh ra chữ in rời.

Ngày hôm nay, các nhà sưu tầm còn ghi lại rất nhiều chi tiết thú vị về sách báo chẳng hạn như sau :

1) *Bộ sách dài nhất thế giới* là một bộ sách viết vào đời Khang-Hi (1662-1722) nhà Thanh bên Tàu. Bộ này gồm 5.000 quyển nghiên cứu tất cả các vấn đề từ trời đất, cây cỏ, kim khí đến triết lý. Bộ sách dài thứ nhì là bộ lịch sử chiến tranh nước Mỹ. Để hoàn thành tác phẩm này, người ta phải bỏ ra 14 triệu quan mời các học giả tên tuổi trong nước và các học giả này cùng nhau soạn trong mười năm trời mới xong.

2) *Cuốn sách được in nhiều nhất thế giới* mà đến nay, năm 1966, cũng chưa có cuốn nào vượt qua nổi. Đó là cuốn Thánh Kinh. Hiện nay đã có trên 1.136 bản dịch cuốn này nghĩa tiếng khác nhau. Cuốn được in nhiều hạng nhì là tác phẩm của ông tổ Cộng sản Lénine. Tính đến năm 1962, người ta đã in được 304.757.000 cuốn.

3) *Cuốn sách quý trọng hơn cả Thành-Cát-Từ-Hãn hay Nã-Phá-Luân lúc danh vọng lên tới tuyệt đỉnh.* Đó là bộ Thánh Thư (Grand Sahib) của người Sikhs bên Ấn Độ. Người Sikhs xây một ngôi đền toàn bằng đá hoa và vàng ròng, tốn phí sơ sơ, nếu tính theo tiền Việt Nam bây giờ, khoảng chừng 10 tỉ bạc tức là 10.000 triệu đ. để cho bộ Thánh Thư «ngự». Người Sikhs sùng bái cuốn sách này vượt cả sức tưởng tượng. Suốt ngày đêm luôn luôn có người hầu hạ, phục dịch sách : người thì dùng quạt bằng vàng,

giắt lông công sặc sỡ quạt cho sách mát người thì đàn người thì hát cho sách bớt cô đơn, quạnh hiu, người thì dâng bánh trái cho sách thưởng thức, người thì vuốt ve, mơn trớn nịnh hót cho sách vui lòng.

4) *Tờ báo cổ nhất thế giới* là tờ báo xuất bản từ đời nhà Tống (950-1275) bên Tàu. Tờ báo này ra không kỳ hạn chuyên đăng tin tức thi cử và tin các quan được lên chức.

5) *Tờ báo đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam* là tờ Gia-Định Báo. Theo Vương Hồng Sển, trong «Saigòn năm xưa» báo này ra mắt vào ngày 1-4-1865. Và ông tổ nghề báo quốc văn của nước ta chính là Pétrus Jean - Baptiste Trương-Vinh-Ký.

6) *Thư viện chứa nhiều sách nhất thế giới* là thư viện Lénine ở Moscou (Nga). Thư viện này thành lập năm 1828, chứa đến 20.000.000 cuốn sách. Kế đó là thư viện Congrès ở Hoa-Thịnh đốn (Mỹ) thành lập năm 1800 chứa 12.500.000 cuốn sách. Trông người rồi ngẫm đến ta !!

7) *Các văn thi sĩ viết dồi dào nhất phải kể đến :*

— Thi sĩ pháp Victor Hugo sáng tác được 100.000 câu thơ (!)

— Trong các tiểu thuyết của văn sĩ Pháp Balzac, người ta đếm được 2.000 nhân vật khác nhau.

Còn nhà văn viết nhiều nhất của nước ta là Lê-văn-Trương, nhưng nếu đem so sánh với các nhà văn xứ người thì có lẽ còn thua xa !.

8) *Ông tổ nghề in sách ở nước ta*

XEM TRANG 50

GIA ĐÌNH TÔI

ĐẶC điểm của gia đình tôi phải nói đến trước hết là con số những «liên đồng ngọc nữ» mà thượng đế đã ban cho ba mẹ tôi. Ngoài ba mẹ tôi ra, chúng tôi có tất cả 12 đứa, một con số đáng kể đấy chứ nhỉ?

Tôi được hân hạnh làm bà chị cả, chúng tôi chỉ cách nhau 1,2 tuổi nhưng điều đáng nói là đứa nào cũng rất có khiếu về môn «nghịch ngợm». Các bạn mà vào nhà tôi thì chỉ thấy đồng đúc toàn là trẻ con, sán sán, bâng nhau, phá phách nó nghịch như lũ giặc con, chẳng nói giấu gì bạn, chính tôi cũng phá phách không kém, mà phải nói là hơn nữa. Mẹ tôi thì cứ luôn luôn nhăn nhó ôm đầu, kêu chóng mặt : «Thôi, thôi cho tôi xin đi các ông tướng các bà tướng ơi, nghịch vừa vừa chứ, có để cho tôi làm ăn cái gì không, tôi phải cho mỗi đứa một trận mới được ! ! ...» Nhìn cái roi mây lăm lăm trong tay mẹ, chúng tôi hơi gợn gợn được một lý, nhưng chỉ một lúc sau, khi bà đi xuống bếp là lại ồn lên lúc nào không biết. Con gái mà cũng không kém, hò hét ầm ĩ, và mẹ tôi lại phải khổ sở la mắng, chửi trách bà cụ cứ gầy gò ốm yếu đi mà lũ con thì cứ mập tròn ra.

Cũng may là đã có ba tôi, ông thật là nghiêm khắc, trái hẳn với mẹ tôi, hay la hét mà chẳng đánh bao giờ, còn ba tôi thì rất ít nói, nhưng chỉ cần quát mắng lên là đứa nào đứa nấy co rúm lại rồi... Có khi đang nó nghịch ầm ầm, mẹ tôi có mắng dọa nạt mấy cũng không làm gì được, nhưng thoáng thấy bóng ba tôi về đến cổng là không cần mẹ phải dục, đứa nào đứa nấy tự động dọn dẹp «chiến trường», lao xuống bếp rửa mặt mũi, chân tay cho sạch sẽ trước khi ra «trình diện» với ba tôi.

Một lần mấy đứa em tôi, thằng Long với thằng Tiến đang đuổi nhau chẳng biết thế nào mà xô phải tủ làm rơi cái đồng hồ to của ba tôi xuống đất, cái đồng hồ vỡ tan mất kính, văng vãi lung tung, ốc một nơi, bánh xe một nẻo, mẹ tôi hốt hoảng vội vàng nhặt nhanh dấu di, bà thở dài tiếc rẻ : «Đấy ! tao đã bảo mà, chúng mày phá quá lắm, để bữa nay ba mày cho một trận may ra mới chừa, mới sợ ! ! !... » Chúng tôi không riêng gì, thằng Long, thằng Tiến ngồi run lẩy bầy, không yên. Thế nào cũng có, một trận đòn chi tử, và chắc chắn là sẽ kinh khủng lắm lắm. Quả nhiên vừa mới về đến nhà, ba tôi đã hỏi ngay.

Cái đồng hồ đây đâu rồi ? Tôi cúi gầm, li nhí : « Dạ... vỡ rồi ạ ».

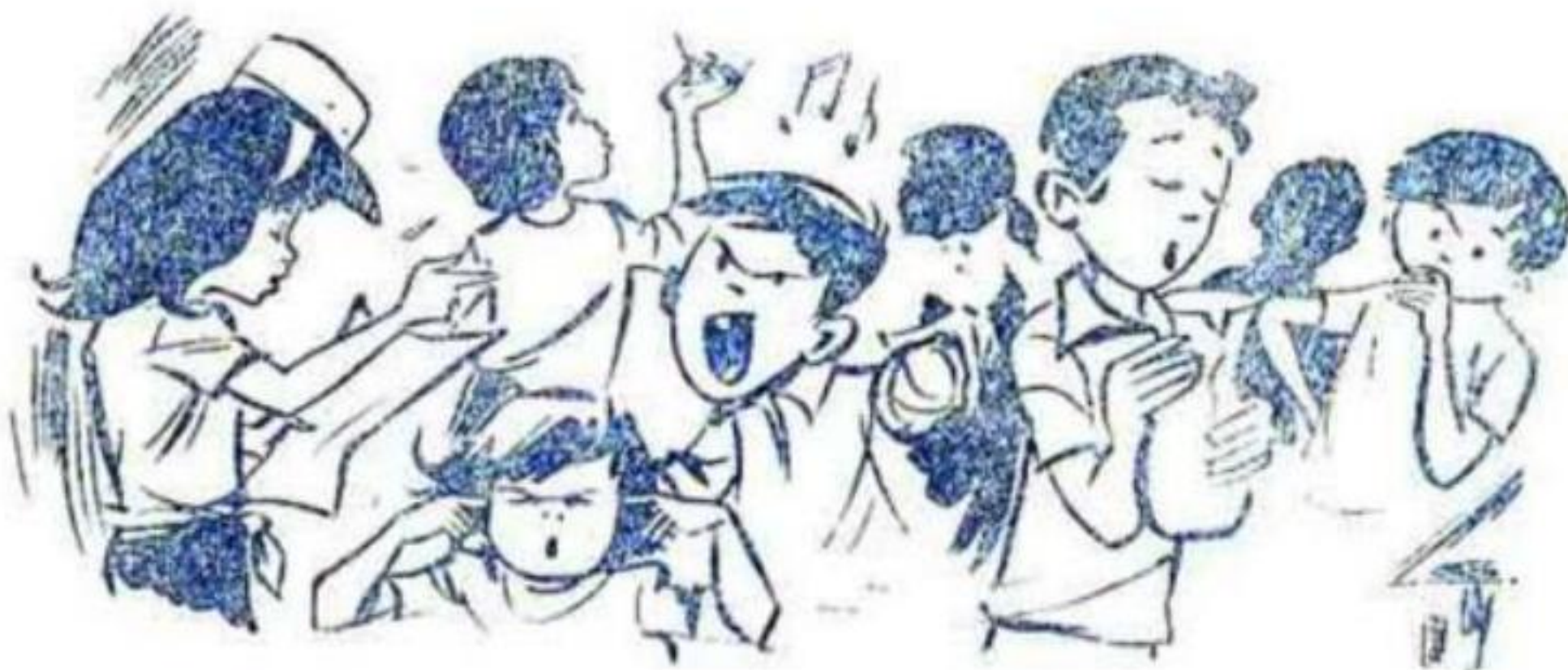
Ba tôi lộn mắt. «Đứa nào làm vỡ, sao vậy, đứa nào ?» Hai «tội nhân» run rẩy không dám ngừng đầu, ba tôi hầm hầm nổi giận, không khi thật là căng thẳng, cứ y như là xem phim Hitchcock ý ! Tôi lo lắng không biết ăn nói làm sao, đồ tội cho con chó vô lý ! tủ cao thế làm sao chó nào đụng tới, hay là mèo ? mà nhà tôi đâu có nuôi mèo, tôi định nói thật rồi đến đâu hay đến đấy thì chợt thấy mẹ tôi từ dưới bếp lật tả chạy lên, tay vẫn còn cầm đôi đũa nấu bếp, ngược nhìn ba tôi :

— «Cái gì thế ! à, cái đồng hồ hả, tôi đấy mà, không phải đứa nào đâu... gớm, vô ý một lý mà va phải vỡ tan cái đồng hồ, phí của ! ! . » Ba tôi hơi tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi khẽ nhăn mặt, hừ một tiếng, quay đi. Thế

là trận đòn kinh khủng ấy đã không giáng xuống, cơn giận dữ của ba tôi đang bùng bùng nổi lên thì bị dập tắt bởi vẻ dịu dàng, đầm thắm của mẹ tôi. Qua mẹ hủ vĩa, chúng tôi len lén ngược nhìn mẹ, bà cười thông cảm thì thầm :

— «Này, lần này thì tôi bênh cho đấy nhé, lần sau thì ráng mà chịu đấy các ông các bà !» Bao giờ cũng vậy, mẹ tôi cũng nói câu ấy, dù ngàn lần như một, bà đều tìm cách che chở cho chúng tôi.

Sự đóng đúc này đem đến nhiều chuyện thật là bực mình và cũng buồn cười khiến cho tôi mỗi lần nhớ lại phải ôm bụng mà cười lặn. Mỗi lần ba tôi, dắt cả nhà đi chơi, cứ đi được mấy bước lại quay ra đếm xe m có đủ số không vì một lần ba tôi cho đi xem ciné, phim thật là dài, mãi đến tối khuya mới về, tới nhà là đi ngủ liền tự nhiên mẹ tôi thấy còn trống một giường, thì ra chỉ có 11 đứa, còn thiếu mất một thằng Thịnh mẹ tôi hốt hoảng nhẩy lên taxi đi tìm, cả buổi mà vẫn chưa thấy, bà lo sợ đến phát khóc, phải đến trình cảnh sát, sau mẹ tôi mua lại vé vào rạp ciné lúc này, đến chỗ cũ, thấy thằng Thịnh còn đang ngồi đó, nhưng đã ngủ gục từ bao giờ, mẹ tôi mừng rỡ nhẩy bổ đến, tôi xềnh xệch, về thằng bé ngơ ngác chẳng hiểu gì cả, thân nhiên đại mắt liu riu theo mẹ tôi ra, báo hại làm chúng tôi lừ hôm đó ít khi được ba dắt đi chơi chung với nhau nữa.



Ấy thế mà mỗi lần tết đến, những bà bạn của mẹ tôi vừa mới bước chân đến cổng là đã cười cười nói nói :

— «Năm mới năm me, chúng tôi xin chúc hai bác luôn luôn mạnh khỏe. đầu năm sinh con trai, cuối năm sinh con gái.

Đông con nhiều cháu cho vui cửa vui nhà... Không đợi bà ta nói hết lời, mẹ tôi vội vàng ngắt giọng : «Ấy chết, bác chúc khỏe mạnh thì chúng tôi xin cảm ơn bác, còn chuyện đông con nhiều cháu... thì thật tình là chúng tôi không dám nhận ạ...» Hai bà cụ cười hỉ hỉ với nhau ra chiều tương đắc lắm. Sau một hồi chúc tụng tưng bừng, bà khách của mẹ tôi làm cái công việc mà các em tôi đã mong mỗi từ lúc bà mới vào, bà tươi cười mở ví : «Nào các cháu bác cháu ! ra bác mừng tuổi cho chóng lớn nào ! !» Không đợi mẹ tôi ngăn cản, các em tôi lũ lượt ùn ùn kéo ra, xếp hàng dài như một đạo quân hùng hậu lắm, mẹ tôi tái mặt, quắc mắt ra hiệu chúng nó

vào, nhưng nó làm ra vẻ không trông thấy thân nhiên đứng chờ... vậy là bà khách đành phải bóp bụng «lì xì» cho lũ cháu quý nghịch ngợm này, có lẽ không bao giờ bà dám chúc mẹ tôi đông con nhiều cháu nữa đâu nhỉ ! Hôm đó về, mẹ tôi không ngần ngại mách ba tôi, dành cho mỗi đứa một trận, làm từ hôm ấy, chẳng đứa nào dám bén mảng ra ngoài, khi có khách đến nữa.

Vào trong nhà tôi thì chỉ thấy toàn giường với chiếu, kê san sát như là một ký túc xá nuôi trẻ con, nguyên mấy cái bàn ghế cũng đã đủ chật nhà rồi, cứ y như là lớp học ấy thôi. Chả trách mỗi lần sắm sửa cho chúng tôi mẹ tôi không khỏi ngại ngùng.

Nhưng không bao giờ tôi thấy bà than thở gì về chuyện đông con cái cả, mà hình như bà còn có vẻ sung sướng, hài lòng với lũ con nghịch ngợm này nữa. Một lần ba tôi bị ốm, nằm cả tháng, chưa dậy đi làm được, mẹ tôi rầu rĩ lo lắng : «Không biết bây giờ ba mày mà mất việc thì mẹ con làm ăn làm sao bây giờ đây.» Không đợi mẹ tôi nói hết, chúng tôi nhao nhao lên, đứa thì đòi làm cái này, đứa thì đòi làm cái kia, thằng Thịnh đứa em mới 3 tuổi, cũng bì bô : «mẹ, mẹ, để con đi bán cà-rem nha mẹ, nhà mình ai muốn ăn bao nhiêu thì ăn, khỏi phải trả tiền, con không lấy tiền đâu ! mẹ chịu không?» Không hẹn mọi người đều quay lại nhìn miệng nó, nguyên bộ răng sún đưa ra, và ai cũng biết rằng đó là hậu quả của cái tính tham ăn kem của nó.

Những câu nói ngây ngô, vô nghĩa thốt ra từ miệng những đứa trẻ vô tư, thơ dại, nhưng ngập tràn yêu thương khiến cho mẹ tôi cảm động, rưng rưng nước mắt, người bết cơn phiền muộn đã ám ảnh bà từ mấy hôm nay, mẹ tôi ngen ngào : «Thôi thôi, mẹ xin cảm ơn các con, mẹ chỉ mong chúng mày chịu khó học hành là được thôi...» Rồi bà ân yếm nhìn tôi. «Còn cái cô này nữa nhé, 15 tuổi đầu rồi đấy, cố gắng học hành nuôi ba mẹ, các em, bà chép miệng «Không biết ba mẹ nuôi nổi một bầy con mà nữa lớn bằng này đứa có nuôi nổi hai cái thân già này không...» Tôi chỉ biết nhe răng cười trừ, tự nhiên tôi thấy thương ba mẹ quá, tôi chợt nhận thấy cái trách nhiệm của đứa con cả thật nặng nề, chứ không «lơi» như tôi vẫn tưởng. Thế thì từ giờ tôi phải tỏ ra người lớn một tý mới được. Nghĩ thế, tôi lấy giọng kẻ cả, đồng dục :

— «Thằng Long, thằng Sơn, con Vân đi ra học đi, còn mấy đứa kia ra ngoài sân chơi, nó gì mà nó lảm thế, không chịu học hành gì hết !

Lũ em tôi ngạc nhiên, trước vẻ khác thường của tôi, chúng đứng sững giường mắt nhìn, lúc quá tôi lại hét lên :

— «Ơ kìa !tao bảo cái gì có nghe thấy không ! nhìn nhìn cái gì !»

Chúng nó liu riu dắt nhau ra ngoài, vừa đi vừa quay lại lăm lét nhìn bà chị, tôi quay đi khe khẽ mỉm cười thích thú, tự nhiên tôi bật cười với vẻ «bà cụ non» của mình, không hiểu sao tôi lại có thể ra lệnh một cách oai phong lăm liệt thế nhỉ quên mất là chính mình vừa mới lần bỏ ra nô với lũ nó.

Bích-Thảo



MẢNH VƯỜN của



Trình-Chí

MẮNG EM

Anh mắng em rồi anh lại buồn,
Lặng nhìn em khóc, chứa chan thương.
Em ơi, thôi nín, cười lên nhé!
Cho nét e sâu hết vẩn vương.
Anh chẳng muốn em phải tủi hờn,
Vì em như thề cánh chim non.
Có ai lại muốn chim im hót,
Ủ rũ trên cành đáng héo hon?
Mắng ấy vì thương yêu đó thôi:
Thấy em dở học, giỏi vui chơi,
Toán làm không được, cho đành ngó,
Lo lắng em anh kém sút người.
Ngẫm lại phận mình em nghĩ sao?
Cha đã sớm khuất tự năm nào,
Mẹ lo tần tảo nuôi hai trẻ,
Mình phải làm người dịu khổ đau!
Thôi, có gì đâu nước nở hoài?
Bút đây em nhỏ hãy cầm tay,
Lặng nghe anh giảng thêm lần nữa.
Tươi tình cười đi, sửa lại bài!

VI LỒ

LỜI MẸ RU

lời mẹ ru lịm ngọt trên môi
âm thanh lời buồn con ngậm ngùi
mắt khép kín say xưa giấc ngủ
mẹ nhìn con tình thương lên ngôi
thôi hãy ngủ đi hỡi con yêu
trong vòng tay mẹ thương con nhiều
nhìn con say giấc mơ thơ trẻ
mẹ mỉm cười thoáng vẻ dăm chiêu
lời mẹ ru mênh mông bao la
tình thương con nồng được chan hòa
hay như khúc tình ca tạo vật
như buổi sáng đẹp trời chim ca

THAO DƯƠNG

NHỚ QUÊ

Đã lâu rồi không về thăm thôn dã.
Em nghe lòng khôn tả một niềm thương
Nhớ ao sâu nhớ cả những đầm nương
Nhớ đôi cỏ đang mình trong nắng hạ.
Cánh đồng xanh rung rinh từng hàng mạ
Đàn cò bay rợp cả ánh tà dương.
Và những khi hoa cỏ còn hơi sương.
Người người đã ra đồng làm việc
Em nhớ quá những hàng cùng ngõ kiệt
Tuy khô khan nhưng lại được bao tình
Nhớ nhớ ghê những cánh bướm xinh
xinh
Bao giờ lại được về thăm xóm nhỏ?

MẶC THU

CHO EM

Này cô bé, lại đây anh bảo,
Sao sáng này trong lớp chẳng chịu chăm?
Lúc anh bận vẽ hình trên bảng
Em lại ngồi chuốt mãi viết chì xanh
Khi cả lớp học trò xong cả
Em chưa vẽ rồi, em nhớ hay không?
Đem tập lại đây anh tô lại
Bản đồ em anh vẽ quá vụng về.
Nghe thầy đây cô học trò nhỏ,
Nhớ nha em màu biền cả là xanh,
Ranh giới, màu hồng em gạch chấm,
Bình nguyên em tô đậm hết màu vàng,
Núi đồi: nâu (như mắt của em)
Hình tam giác nhỏ đen là đỉnh núi,
Sổ này là cao độ đó em.
Sông uốn khúc em kẻ màu xanh đậm,
Tên con sông đề thật rõ ràng.
Đó, xong rồi lần sau em làm lấy,
Thật kỹ càng như anh vẽ hôm nay
Chớ bảo bạn: «Anh tôi làm giúp»
Chúng sẽ cười: «Thầy quá chiều em!»

N.P.P



QUYÊN-DI phụ-trách

BUỒN NAI

Tôi con nai nhỏ lìa rừng
Nghe niềm chua xót dậy bừng tuổi son
Dung nhan ngày tháng đẽo mòn
Ước mơ thương để vẫy tròn vũng hoang
Giờ tôi mất một điện vàng
Từng đêm sao lệ giăng hàng mi khô
Và trong giấc ngủ mơ hồ
Tôi mơ mình đứng bên bờ vực sâu
Lối truông mưa nắng dài dẫu
Tôi ngẫm khe khẽ thơ sầu buồn lê
Cung giao cuồng loạn phiên thờ
Thân nai muôn thuở không về rừng xưa !

QUỐC ĐỒ (Huế)

LỜI RU

Vong đưa kéo kết tình thương
Lời ru của mẹ còn vương vấn sầu
À...ơ... con ngủ cho lâu
Mẹ đi tần tảo thêm sầu tuổi đời
Cho con giấc ngủ cao vời.
Cho con tất cả những lời thương yêu
...Ngoài kia lá rụng đìu hiu
Cuộc đời của mẹ thêm nhiều xót xa
À...ơ... con ngủ cho qua.
Ngày mai nối tiếp bài ca oai hùng

YÊN THANH

BÓNG CHIỀU

Bóng chiều ngả vội qua hiên
Đàn chim ngàn dặm triển miên gọi lời
Gió nhẹ thổi lá rơi
Chiều quê tiếng sáo chơi vơi giữa lòng

ĐAN PHONG

ĐÊM TỐI

Muôn sao lấp lánh giữa trời
Gió tuông suối ngọc hát lời hoang ca
Trăng cài sau lũy tre già
Đêm khuya thảo dã hương sa nửa chừng...

ĐAN PHONG — TQT

(hoa đông phương)



LỐI VỀ ĐẤT MẸ

Mù sa cuối tận chân mây
Lối về đất mẹ vắng gầy thương đau
Thuyền trên sông nhỏ bạc màu
Lênh đênh sóng nước mái chèo buông lơì
Tháng năm đồ lệ khóc đời
Thương về quê mẹ cho vơi nỗi sầu
Xác xơ ôi ! những hàng cau
Tranh nghèo nát đổ đượm màu thê lương
Chiều về dăng nỗi sầu thương
Những đêm canh vắng ngâm trường hận ca

TRẦN LÊ ANH DŨNG

(sao đêm)



BÌNH MINH

Bình minh nắng dãi núi rừng
Ánh dương le lói nửa chừng non Tây
Thoảng làn gió nhẹ qua mây
Thùy dương mấy dặm chờ đầy sương sa
Nắng về sườn ải lá hoa
Sơn lâm rộn rã lời ca chim rừng
Hồ gươm đượm nét tung bừng
Bình minh nắng dãi núi rừng xa xăm

ĐỖ TƯ LONG (Huế)



SAU bao đêm nằm vắt chân lên trán suy nghĩ, cộng với mấy lần bị bắt «địa», tôi quyết định xin ba má để được đi học Judo. Tôi không ngờ bài quảng cáo về Judo của tôi lại có kết quả ngoài sức tưởng tượng, nghĩa là không những ba má tôi cho phép tôi mà cả em tôi cũng được đi học luôn.

Ngày đầu tiên bước chân vào trường, tôi lụng thụng trong bộ Kimono — cứ nhìn em tôi mặc rồi suy ra tôi — trông thật tức cười, chúng tôi lững thững đi vào phòng tập. Buổi tập tuy mệt nhọc nhưng đầy hứng thú. Về nhà tôi thấy tinh thần can đảm thêm một chút, tôi dốc chí luyện tập thật đều đặn và hết mình, bộ đồ tập hơi dơ là tôi mang giặt ngay.

Sau ba tháng khổ công luyện võ, tôi hãnh diện nhận lãnh chiếc đai vàng, để xứng đáng với đai, tôi tập càng dõ dỏi thêm. Tôi lựa chọn 3 đòn ung ý nhất để coi như «đòn ruột», ngày nào tôi cùng anh bạn tập những đòn đó cho thật mau lẹ và thật công hiệu. Cuối tháng tôi nộp đơn để xin thi lên đai cam.

Buổi thi nhằm ngày chủ nhật nên võ sinh đã đông, người coi càng đông hơn nó tạo cho trường một vẻ đầy nhộn nhịp. Tôi thay đồ rồi nhanh nhẹn bước vào phòng tập. Sau khi tập nóng

người, toán nào vào toán đó để thi. Toán của tôi không đông lắm nhưng toàn là tên «gộc», mặt tên nào cũng vênh vao (có lẽ tôi cũng vậy). Tiếng vị giám khảo gọi tên, đúng tên tôi, tôi đứng dậy ngay và được đấu với 1 tên cao hơn tôi gần một cái đầu. Tôi lừa bên phải, sang bên trái, đánh đòn tay, gạt đòn chân, địch thủ tôi cuống quýt chỉ kịp đỡ cơ hội tốt đã đến hấn bị mất thăng bằng bên phải, tôi lừa đòn vào ngay lập tức và quật mạnh, địch thủ đáng thương hại của tôi tung lên rồi rơi bịch xuống sàn tập. Vị trọng tài giơ tay ra hiệu tôi được 1 điểm, tôi chào, xong ngồi xuống chờ vị giám khảo gọi một người tiếp theo. Tên thứ hai có vẻ khỏe mạnh hơn tôi, tay chân hấn cứng ngắc thành thử mỗi lần tôi dùng một đòn chân để đánh hấn là y phép chân tôi bị dội ra. Tôi thấy chiến lược «ba hoa tay chân để lừa đòn» vô ích tôi giở những đòn ruột ra mong hạ hấn. Cũng như lần trước, tuy không thuận lợi lắm nhưng chân tay tôi đã lừa vào trót lọt, tôi vươn người tung hấn lên, hấn nặng quá và lại mạnh nên cố gắng níu ngược lại, cả hai ngã chổng kềnh, hấn lồm cồm bò dậy phóng vào tôi định dùng đòn bất động (khóa cổ), tôi hoảng hốt xoay mình, hấn chụp hụt, tôi nhẩy lên lưng hấn, dùng hai tay khóa cổ. Tôi thấy mặt hấn xanh dần

và ngay khi đó tay hấn đập liên hồi xuống sàn tập (dấu hiệu chịu thua). Tôi bỏ hấn ra, vị trọng tài giơ tay ra hiệu tôi được thêm 1 điểm nữa là hai. Vẫn như trước vị giám khảo điểm nhiên gọi tiếp người thứ ba. Tên này nhỏ con vẻ mặt ngờ nghệch. Tôi vững bụng mặc dầu mệt như. Tôi xáp trận ngay, hấn bước rất hờ, nên tôi vào đòn và có kết quả dễ dàng: hấn bị quăng vèo ra phía trước. Vị trọng tài lại giơ tay ra hiệu tôi được thêm 1 điểm nữa là ba. Ông tươi cười nói lớn:

— Em Phạm hoàng Duy được 3 điểm lên đai cam'

Tôi mừng rỡ đón nhận cái bắt tay của ông ta, rồi lùi mất giữa những tiếng vỗ tay của anh em.

Ra ngoài tôi gặp Thiên em tôi mặt méo xệch, tôi biết ngay là nó bị đo ván, tôi khuyên nó vài lời rồi cùng ra về.

Hôm sau tôi sung sướng trong bộ đồ tập với cái đai cam mới tinh, lúc này tôi cảm thấy trong tay mình có những đòn vô địch đi qua võ sinh nào tôi cũng thăm chệ và tự coi mình như là một ngôi sao rục rờ nhất trường.

Tôi đi qua một nữ võ sinh, cô ta đeo đai xanh dương. Tôi thầm nghĩ: «Bọn con gái có đeo đai gì chẳng nữa thì mình chỉ «búng» một phát là nóc ao liền, liễu yếu mà ăn thua gì!» Để tự chứng

minh điều này, tôi chào cô ta, cô ta dịu dàng chào lại và cùng lên sàn để tập. Lúc đầu tôi đấu thật nhẹ nhàng, nhưng những đòn tôi mang ra đều vô ích, cô ta nhanh như vượn, tôi cấu sườn đấu mạnh tay hơn nhưng không những vô ích mà lại còn bị té mấy lượt. Tự ái tôi bị khiêu khích tột độ, tôi hùng hổ mang đòn ruột thứ ba ra mà tôi chắc rằng với lối đánh « trâu bò » của tôi cô ta bị văng ít nhất là ra ngoài cửa. Tất cả ngoài dự đoán, khi tôi lấy hết sức mạnh vung hai tay, quay người kéo về phía trước thì cô ấy đã lách sang một bên và lợi dụng cái sức mạnh của tôi đang kéo tôi về phía cửa, cô ấy bời

nhẹ thêm một đòn, chính tôi lại là kẻ bị văng ra ngoài cửa ! Tôi đau buốt toàn thân, mắt riu lại và tay tôi không còn tự điều khiển được nữa, tôi nghe giọng võ sư phụ trách lớp nói sau khi nắn tay tôi :

— Té mạnh quá, sủi rồi ! tay phải bị trật gân.

Tôi lo vô cùng đề mặc cho ông ấy hô hấp nhân tạo và khiêng ra xe chở vào nhà thương

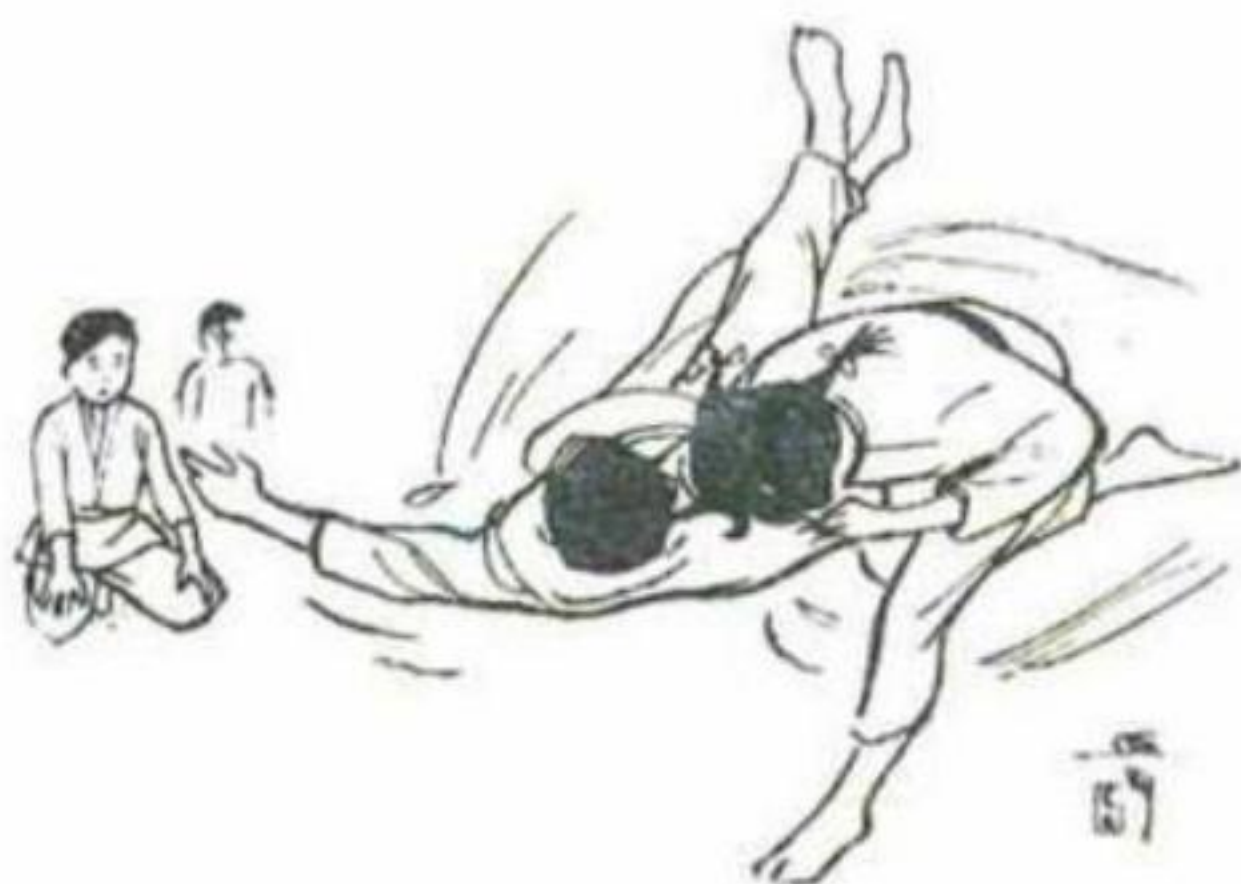
Lúc tôi mở mắt thì ba má tôi ở cạnh giường. Tôi chắc cụ Thiên đã về nói thật rùng rợn về cái té của tôi. Ba tôi hỏi giọng lo âu :

— Con có đau lắm không ?

Tôi cố gắng đáp :

— Thưa ba. một chút thôi, tất cả tại con !

Tới hôm nay, tôi hoàn toàn bình phục, xách túi đồ đến tiếp tục học lại. Tôi nhất định không tự kiêu và khinh địch để khỏi bị tai nạn có thể xảy ra một lần nữa trong thời gian học Judo của tôi ●



Vui Cười

AI LỚN HƠN ?

Thanh :— Đố Toàn ông hiệu trưởng với thầy giáo mình ai lớn hơn

Toàn :— Ông hiệu trưởng lớn hơn chứ.

Thanh :— Sai. Thầy giáo mình mập hơn và to hơn. Còn ông hiệu trưởng ốm nhom mà.

Toàn : ???

T.L.T. Ngọc Lan



Giải đáp số 56

Câu thơ bằng tranh

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Loài thú đẻ trứng:

Cá sấu, Bạch tuộc, Bò câu

Loài thú đẻ con:

Cá mập, con Trút, con Chồn.

Ô Chữ lồng đèn

T	H	A	T	T	R	A	N
H	O	●	T	R	U	T	A
A	●	T	H	U	●	I	M
T	T	H	O	N	G	●	D
T	R	U	N	G	T	H	U
R	U	●	G	T	●	I	O
A	T	I	●	H	I	E	N
N	A	M	D	U	Ơ	N	G

VÀNG LỜI

Tranh vui của HỮU-PHƯỚC



Giải đáp số 56

Câu thơ bằng tranh

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Loài thú đẻ trứng:

Cá sấu, Bạch tuộc, Bò câu

Loài thú đẻ con:

Cá mập, con Trút, con Chồn.

Ô Chữ lòng đèn

T	H	A	T	T	R	A	N
H	O	●	T	R	U	T	A
A	●	T	H	U	●	I	M
T	T	H	O	N	G	●	D
T	R	U	N	G	T	H	U
R	U	●	G	T	●	I	O
A	T	I	●	H	I	E	N
N	A	M	D	U	O	N	G

VÀNG LỜI

Tranh vui của HỮU-PHƯỚC



Hộp thư Tuổi Hoa

ÁI NGỌC TÂM (Huế) Cám ơn em về bức hình cầu Trăng Tiễn. Anh đã có đi trên đó rồi, khi bằng tuổi em.

PHANTOM (Sg) Anh chỉ có thể cho em biết là Tác giả truyện Ác Điều đăng trong T.H 32 là một học sinh đệ nhị, và hiện ở Mỹ Tho.

PHẠM TOÀN (Đà Nẵng) Những số báo cũ dĩ nhiên cũng chỉ tính theo giá cũ. Em có thể tự tính lấy, cộng thêm 30 đ cước phí nữa,

TRINH VÂN (P.L) Đáng được anh sẽ sửa cho em, Anh chịu thua rồi, không đoán được là em học lớp mấy. Q.D. đã nhận được bài của em.

THANH THIÊN NGÀ (Đà Lạt) Má em nói đúng đó, Em cồ động cho Tuổi Hoa như thế cũng được lắm. Tuổi em đáng làm út trong gia đình.

NGỌC TRÂM (Đ.N) Có chịu khó vui theo kỷ luật như thế mới ngoan Nhớ là chỉ nên viết cho T.H khi nào rảnh rồi thôi nhé. Việc học trước hết em ạ.

MỘNG OANH (Gò vấp) Nhất định là anh phải đọc hết các bài của các em gửi về rồi. Nhưng còn đăng được không và bao giờ đăng thì chưa thể trả lời ngay được. Anh nhớ rồi U chứ không phải N.

HOÀNG NGHIÊM THI (Đ.N) Hồng Phức nói đúng đó. Anh đã hỏi Trinh Chí cho em rồi. Chờ dịp nghe em.

TRIỆU NGỌC THẠCH (Sg) Đã ghi tên em vào gia đình Tuổi Hoa. Điều em hỏi Q.D, anh ấy trả lời là «có»

NGUYỄN THỊ LỆ THÚY (Đ.N) Gửi thư về Tòa soạn em cứ dán tem như thường lệ đừng dán cả 5 đ mà phí đi. Đầu có phải dán thêm tem mà thư đến sớm hơn được. Em là bạn T:Dung à T:D sắp có bài đăng đấy.

VĂN QUANG (Đ.N) Bút hiệu của em không trùng với ai trong gia đình Tuổi Hoa, nhưng lại trùng với tên nhà văn Văn Quang đấy.

LỆ NGÀ (Huế) Nhất định là anh phải khen em rồi. Và vui lòng nhận em vào gia đình T.H. Muốn vào chơi «Mảnh vườn của Bé» thì gửi hoa về cho Trinh Chí trồng vào vườn.

KHÁNH HƯƠNG (Phong Dinh) Nói với các bạn em là anh không thiên vị ai đâu. Nhiều khi anh trả lời rồi mà vì hết chỗ, nên ông nhà In ông ấy tự động «cúp» đi đấy. Trang Vân là gái, và hiện đang theo học ngành «gỗ đầu tre»!

BÙI THỊ LỆ (Phú Nhuận) Cháu có thể viết thư làm quen kèm tem đề tòa soạn chuyển hộ. Chị Bích Thủy không phải là em nghệ sĩ Bích Sơn. Chị ấy là Bích Thủy của các em trong gia đình Tuổi Hoa, nhưng bị các em chê là «quê một cục» vì rất ít đến tòa soạn.

TỊNH TÂM (Sg) Đã tới thì vô chơi. và nên đến chiều thứ bảy sẽ gặp đông đủ cả, trừ chị Bích Thủy.

NGÀ (Sg) Anh chia sẻ nỗi buồn của em, và ghi nhận em vào gia đình T.Hoa.

NGUYỄN THỊ THU HỒNG (Huế) Anh cũng chưa biết hình dáng Phương hồng Hạnh ở Huế ra sao đề tả lại cho em nghe. Tuổi em đúng là Tuổi hoa đấy.

HỒ THÀNH NAM (Huế) Tuổi Hoa có hai khu vườn thơ do hai anh cai vườn chăm sóc : Quyên Di và Trinh Chí. Nếu muốn em cứ gửi về. Chắc những bông hoa của em sẽ được trồng vào vườn.

TRƯƠNG HẠNH TỬ (Thủ Đức) Bài viết khổ giấy nào cũng được em ạ. Dưới mỗi bài em nên đề rõ tên và địa chỉ dù gửi chung một phong bì, đề tiện khi được chọn đăng khỏi sót tên, và có báo biểu. Mục Tuổi Hoa lai rai không bỏ đâu, nhưng vì chưa tăng được trang nên tạm nhường chỗ cho loạt bài «học hỏi» của anh Hoàng đăng Cấp đó.

NGUYỄN VĂN THỊNH (Tân Phát) Không bắt buộc phải có hình. Truyện dài ngắn tùy theo, miễn hay thôi em ạ. Muốn nhuận bút em ghi rõ điều ấy trên đầu bài.

JOHN DANCE Đề chú đọc đã nhé. Khỏi phải dục chú mà. Hề hay là chú O.K. liền Dạ Chính ở Huế là gái cháu ạ.

NGUYỄN XUÂN HIẾU (Nha Trang) Những «quý vị» mà cháu muốn làm quen sẽ không dám viết cho cháu đâu, vì cháu là trai nên tìm bạn trai tiện hơn.

MINH NGUYỆT (Saigon) Muốn gửi bài cháu cho vào bì không dán kín, ngoài đề thêm «Bì gửi đăng báo» và dán 1đ đến 1đ50 tem

THẮNG PHONG (Huế) Ừ em hãy làm tiền phong cho giới tóc ngắn ở xóm Kim Long đi. Chưa tăng trang được vì tăng trang lại phải tăng giá báo. Khổ tâm ở chỗ đó em ạ.

HOÀI PHƯƠNG TRANG (Sg) Chữ cháu rất dễ đọc nên chú đọc từ đầu đến cuối không sót chữ nào. Cảm ơn cháu về lời cầu chúc.

BẮC NAM VIỆT HẢI .K.N.T Tên em dài quá nên anh phải vắn tắt cho gọn. Mục em đề nghị, Báo Tuổi Xanh đang làm. Chứ không thể đoán được em là trai hay gái.



GIA ĐÌNH TUỔI HOA

Nguyễn thị Mỹ Hạnh, Trần Văn Thành, Giáng Linh, Thùy Trang, Trang Thùy Dương, Trần Hồng Sơn, Hà Lệ Hà, Thanh Dũng, Nguyễn Văn Đông, Trương thị Kim Phụng, Quy Vĩnh Xuân, Như Lan, Hà Lệ Uyên, Ngọc Phương, Hoàng Nguyên thị Thúy Nga, Trần Giang Thanh, Phương (T.K.), Đặng Văn Long, Dân, Hoa Hoài Phương, Ngọc Châu, Trường Giang, Sương Đêm, Ngọc Trinh, Tôn Nữ Tịnh Tâm, Nguyễn Văn Chung, Văn Ánh, Thần Kim Quý, Thu Văn, Nguyễn Văn Phước, Mạc Tố, Hoài Phương Kim Long, Nguyễn Minh Chánh, Nguyễn thị Thái Phương, Trần thị Lan Chi, Nguyễn thị Phương Ngân, Phạm thị Hồng Dung, Nguyễn Văn Ái.



GIA ĐÌNH TUỔI HOA TRỢ GIÚP NẠN LỤT MIỀN TÂY :

Kỳ trước	350 đ		
Em VINH XUÂN (Qui Nhơn)	20	VŨ TIẾN ĐẠT	20
PHẠM THỊ ÁNH HỒNG	20	PHẠM THỊ HƯƠNG LAN	20
NGUYỄN THỊ THU	15	Em LINH VIỆT	5
PHẠM THỊ KIM DUNG	20	cộng	470 đ

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Tâm Tâm Đức, Hoài Linh Giang (2), Thệ Thủy, Hồng Nhạn Linh Giang, Xuân Phúc, Thương Thảo Lan, Trần Thy Phan, (nhóm Đất Mẹ), Sa Lê Thảo, Hoàng Linh Vi (2), N. Văn Lành, Tôn Nữ Đô Lan, Hoài Trúc Phương Giao, Đình Xuân Hải, Đào Trọng Nhạ, T. Văn. Đặng thị Thu Ba, Trường Hận Tử, Trần Hồng Sơn, Nguyễn Văn Thiêm, Trần Phúc Khanh, Velo Solex (2), Nguyễn Thị Thơ, Nguyễn Văn Đông, Hoàng Minh Đức, Phạm Kim Nguyên, Kim Dao Phương, Bảo Miên, Tống Ngọc Ân, Như Lan, Trịnh Vĩnh Ngân, Tôn Nữ Thu Lâm, Trương Ngẫu (2), Bửu Đồng, Mai Dạ Thảo, Phan Giao Thủy (2), Đỗ Võ Luật, Đỗ Ngọc Dung, Nguyễn Thế Chiêu, Lê Đình Anh (Nhất Hiệp), Lisa, Trần Thượng Phi (2), Xuân Hải Thu, Đạm Tâm (văn nghệ Mây Trời Việt), Như Lan, Nguyễn Trung Ngọc Châu, Trương Ngẫu, H.T. Hoa, Mai, Linh Hương, Song Ly, Hoàng Điệp, Ngô Trinh, Dương Đức Tân, Đặng Thị Xuân, Ngọc Tâm, Hữu Phương (2), Trần Thượng Phú, Hoa Sĩ Kiệt, Tần Thanh, Hoàng Kim Long, Nguyễn Minh Chánh, Lai Việt Xuân, Triệu Linh, Anh Tống, T 003, Vũ Chính, John Dance Vũ, Lê thị Thanh Hương, Kim Vi Thùy, Nguyễn thị Kim Dung, Đặng Trần Giáng Tiên (2).

Lịch-Sử phát-minh

TIẾP TRANG 37

tên Lương-Nhữ-Hộc. sống vào đời nhà Hậu Lê (thế kỷ XV) Tương truyền Lương - Nhữ - Hộc thấy đồng bào mình mỗi lần muốn đọc sách chữ Hán phải mượn chép lại rất mệt nhọc hoặc phải mua lại của người Tàu với giá cắt cổ vì họ giữ độc quyền bí quyết in sách (người Tàu lúc nào cũng thế !) Ông bèn tìm cách học nghề in nhưng người Tàu dấu nghề, không dạy người ngoại quốc. Như thế phải làm sao bây giờ ? Ông bèn giả làm khách buôn qua Tàu, đến Bắc Kinh mượn một nhà ngay cạnh một nhà in mở tiệm buôn để che mắt. Nửa đêm ông lén khoét vách dòm sang nhà in để học lóm kỹ thuật in sách. Lẽ dĩ nhiên cách học đó vô cùng gian khổ. Nhưng với lý tưởng phục vụ dân tộc, không bao lâu ông thành công và về nước dạy lại đồng bào nghề in sách. Dân chúng ở quê ông, làng Liễu Trảng, Huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương là những người đầu

tiên được ông truyền thụ nghề khắc chữ và in sách mà ông lén học lóm ở xứ người.

Tóm lại, chính nhờ Gutenberg mà ngày hôm nay em có thể biết được rất nhiều chuyện lại chính nhờ Gutenberg mà em có thể nghiên cứu bài vở trong các sách học tân kỳ, đọc báo chí để mở mang kiến văn, kiến thức v.v.

Và càng hơn nữa, chính nhờ Gutenberg mà tất cả các bí mật những phát minh của loài người không bao giờ sợ bị lạc mất nữa vì đã được in vào sách.

Thật vậy, nếu những phát minh đã qua không vạch một lộ trình trước cho văn minh loài người, chúng ta sẽ không bao giờ có máy nổ, phi cơ, tàu bè, ra đa, ra-đi-ô, tàu ngầm, nguyên tử... và hy vọng lên thăm chị Hằng chú Cuội vào năm 1970 được !

HOÀNG-ĐĂNG-CẤP

Làng Dzic Dzắc thề theo lời yêu cầu của đa số quý vị, và thông cảm tình trạng của các Dzic Dzắc sĩ ở xa, xin long trọng quyết định :

1. Từ nay mỗi kỳ chỉ có 3 món Dzic Dzắc. Trường hợp đặc biệt, dọn 4 món, sẽ có quà thưởng đặc biệt.

2 Mỗi kỳ sẽ nộp báo cho 20 vị "Danh ^{đáp} ^{trúng}" chỉ có tính cách tượng trưng nếu đại danh những quý vị gửi giải ^{đáp} ^{trúng} và sớm nhất. Vậy từ nay nhiều quý vị sẽ không thấy tên trên báo mà vẫn có ^{đáp} ^{trúng} về đến tận bếp xin đừng ngạc nhiên :

3 món ăn thiệt :

1 Một người đồ bạn phải làm sao ăn cho kỳ hết một phích cà rem cây (khoảng mấy chục cái) chỉ trong năm hay bảy phút. Bạn tính giải quyết bằng cách nào đây ?

2 Khi vẽ các vị thánh, người ta thường thêm : vòng hào quang trên đầu. Hỏi chữ vị thánh nào có vòng hào quang to nhất ?

TRẦN VĂN DƯƠNG

3. T ng Ngôn nhà ta có một cái xe đẹp ^{đẹp} xuất từ hội Hitle chưa thôi nổi, vậy mà anh chàng có thể dùng chiếc xe đó qua một ^{lối} ^{lọt} 5 cái xe Honda mới toanh. Lạ rứa ?

TRUNG NGÔN

Giải đáp ^{đố} lần trước

1 Điều Thuốc.

2 Tóc dài quá mà không đi hớt. Chả phải trong túi không còn một xu là gì.

3. Có chữ L, dù là chó khôn, chó dại hay chó chết.

Các bạn ^{đáp} ^{trúng}

Lê tâm Lan, Tạ văn Dũng, Phạm như Hải, Trè văn Hiệp Yến, Nguyễn ngọc Hoan, Dọ Chính.

NHẮN TIN

PHƯƠNG VI (Nha Trang) Cảm ơn, sẽ đề ý. Có Vân Anh ở Đà Nẵng muốn làm quen. Nếu bằng lòng, gửi cho anh địa chỉ thật rõ ràng.

HOÀNG OANH (Linh Xuân Thôn) Nhận cháu vào G.Đ.T.H theo lời đề nghị của cậu Tám. Gửi hình đề chủ dán vào Album T.H.

GIÁNG TIỀN ; Sai gần hết Tiên ơi ! Lời chúc của GT thừa một nửa, gửi trả lại đấy.

TIN THƠ

Các bạn hãy gửi gộp THƠ GIÁNG SINH về cho Quyên Di và Trinh Chí.



vòng quanh thế giới!

Để phục vụ sức khoẻ bộ răng, những nguyên liệu mới mẻ,
tinh vi và hữu hiệu nhất ở khắp năm châu
đều được tập trung trong THUỐC DẪN RĂNG

Perlón

5534432 NA

GIÁ 7 đồng

Miền Trung và Cao Nguyên T. P. 8đ